

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC  
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ**

**TÊN ĐỀ TÀI**  
**PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO**  
**NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM Ở VIỆT NAM VÀ**  
**GIẢI PHÁP**

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN : TS NGUYỄN THỊ VY**  
**HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN : NGUYỄN THU HIỀN**  
**MÃ SINH VIÊN : 1458300081**  
**LỚP : LKT 14 - 01**

**HÀ NỘI 5/2024**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM  
KHOA LUẬT**



**HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN : NGUYỄN THU HIỀN**

*Lớp : LKT 14 – 01    Khóa : 14*

**TÊN ĐỀ TÀI**  
**PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO**  
**NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM Ở VIỆT NAM VÀ**  
**GIẢI PHÁP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**  
**CHUYÊN NGÀNH**  
**LUẬT KINH TẾ**

**Giảng viên hướng dẫn: TS Nguyễn Thị Vy**

Nơi thực hiện đề tài: Hà Nội

Thời gian thực hiện: từ 25/03/2024 đến 25/05/2024

**HÀ NỘI 5/2024**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Khóa luận là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Khóa luận chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Khóa luận đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực,

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Khóa luận.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

**NGƯỜI CAM ĐOAN**

Nguyễn Thu Hiền

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, em xin gửi lời cảm ơn đến các Quý Thầy cô Khoa Luật, Trường Đại học Đại Nam đã tạo cơ hội cho được học tập, rèn luyện và tích lũy kiến thức, kỹ năng để thực hiện khóa luận.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến Giảng viên hướng dẫn TS Nguyễn Thị Vy đã tận tình chỉ dẫn, theo dõi và đưa ra những lời khuyên bổ ích giúp em giải quyết được các vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài khóa luận một cách tốt nhất.

Do kiến thức của bản thân còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung khóa luận khó tránh những thiếu sót. Em rất mong nhận sự góp ý, chỉ dạy thêm từ Quý Thầy cô.

Cuối cùng, em xin chúc Quý Thầy Cô luôn thật nhiều sức khỏe và đạt được nhiều thành công trong công việc.

Trân trọng.

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của Khóa luận .....	1
2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
3. Tính mới và những đóng góp của đề tài .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Tình hình nghiên cứu .....	4
6. Phương pháp nghiên cứu.....	4
7. Bố cục Khóa luận .....	5
<b>CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM.....</b>	<b>6</b>
1.1. Khái niệm pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam .....	6
1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý .....	6
1.1.2. Khái niệm người nghèo, trẻ em với tính cách là những người thụ hưởng trợ giúp pháp lý .....	8
1.1.3. Khung pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em. ....	10
1.1.4. Vai trò của pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em.....	13
1.2. Điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở một số nước trên thế giới .....	14
1.2.1. Mô hình tổ chức trợ giúp pháp lý của các nước trên thế giới.....	15
1.2.2. Người thực hiện trợ giúp pháp lý .....	18
1.2.3. Người được trợ giúp pháp lý .....	20
1.2.4. Kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý.....	21
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....</b>	<b>22</b>
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN QUA .....</b>	<b>23</b>
2.1. Thực trạng pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay .....	23
2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam .....	23
2.1.2. Thực trạng các quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay .....	29

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay .....	32
2.2.1. Về chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý.....	32
2.2.2. Về kết quả thực hiện pháp luật trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em.....	34
2.2.3. Về công tác phối hợp để tổ chức thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em .....	37
2.2.4. Về công tác truyền thông, phổ biến về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em .....	39
2.3. Đánh giá chung về thực trạng pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay .....	40
2.3.1. Kết quả đạt được.....	40
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế .....	41
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....</b>	<b>45</b>
<b>CHƯƠNG 3 QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM THỜI GIAN TỚI .</b>	<b>46</b>
3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em.....	46
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở nước ta hiện nay .....	47
3.2.1. Nhóm các giải pháp về nhận thức và phân tích chính sách liên quan đến pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay .....	48
3.2.2. Nhóm các giải pháp liên quan đến quy trình xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật về TGPL cho người nghèo, trẻ em ở Việt Nam .....	51
3.2.3. Nhóm các giải pháp liên quan đến hoạt động đánh giá hiệu quả pháp luật, tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật. ....	54
<b>TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.....</b>	<b>56</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>57</b>

## **DANH MỤC KÍ HIỆU HOẶC CHỮ VIẾT TẮT**

KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
TGPL	Trợ giúp pháp lý

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của Khóa luận

Xuyên suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhiều chỉ dẫn quan trọng để nhân dân ta giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đem lại nền độc lập, thống nhất và mở ra một thời đại mới, xây dựng đất nước phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục soi sáng con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước phát triển phồn vinh, hạnh phúc. Cùng với việc đẩy mạnh cải cách kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, Nhà nước Việt Nam đã thông qua Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, trong đó có chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em. Từ những văn kiện đầu tiên, Đảng ta xác định rõ mục tiêu cơ bản và lâu dài của cách mạng là bảo đảm quyền con người cho người dân Việt Nam. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, XIII, Đảng đã bổ sung, phát triển nhiều quan điểm mới về xây dựng, bảo đảm con người, quyền con người là trung tâm, động lực, chủ thể phát triển đất nước. Những quan điểm này không chỉ là sự bổ sung về mặt lý luận, mà còn được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp, định hướng cụ thể trong chỉ đạo hoạt động thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tùy vào hoàn cảnh, điều kiện kinh tế, chính trị mà mỗi quốc gia có những chính sách xã hội khác nhau, quy định những đối tượng được hưởng thụ và hướng đến những mục đích khác nhau. Từ đó đến nay trên cơ sở Luật Trợ giúp pháp lý (TGPL) năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, công tác TGPL đã phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đạt được những kết quả quan trọng. Hệ thống tổ chức TGPL đã được hình thành từ trung ương đến địa phương, bao gồm Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp và Trung tâm TGPL ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với đội ngũ chuyên viên và cộng tác viên TGPL đông đảo. Các tổ chức TGPL đã đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu giúp đỡ pháp lý của người nghèo, đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời, trở thành một bộ phận không thể thiếu trong đời sống pháp luật của xã hội. Hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em đã góp phần thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ quyền lợi trẻ em, đền ơn đáp nghĩa, bảo đảm công bằng xã hội của Đảng và Nhà nước, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác giải quyết các vụ việc một cách khách quan, chính xác, đúng



pháp luật, giải toả những vướng mắc pháp luật của nhân dân, góp phần ổn định tình hình chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tạo lập cơ chế bảo đảm công bằng xã hội; góp phần giữ vững và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển, giải phóng mọi năng lực sản xuất và mang lại những kết quả nổi bật trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo, nhưng bên cạnh đó cũng tiềm ẩn không ít những mặt tiêu cực vốn có của nó là sự phân hóa giàu nghèo tăng lên, vẫn còn một bộ phận đáng kể người dân còn nghèo, tệ nạn xã hội phát triển, tranh chấp gia tăng... Nhu cầu TGPL miễn phí cho các đối tượng nghèo và trẻ em vẫn còn lớn trong khi đó hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động TGPL còn chưa được hoàn thiện, quy định pháp luật về công tác TGPL chưa thống nhất, đồng bộ; trong một số trường hợp chưa toàn diện, kịp thời, bám sát thực tiễn dẫn đến một số quy định chưa khả thi. Thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL cũng đã bộc lộ những hạn chế bất cập cụ thể như: hệ thống tổ chức thực hiện TGPL vẫn chưa phù hợp và hoạt động chưa hiệu quả, việc tham gia tố tụng của Trợ giúp viên trong thực tế còn nhiều khó khăn, cơ chế thu hút các chủ thể TGPL cũng chỉ mới dừng lại ở mức khuyến khích tham gia; nhận thức của người dân về pháp luật TGPL còn thấp và không đồng đều nên nhiều người có hoàn cảnh khó khăn và có nhu cầu TGPL vẫn chưa tiếp cận được với hoạt động này... Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thực hiện TGPL cũng như chất lượng dịch vụ TGPL cho người nghèo và trẻ em.

Xuất phát từ những yêu cầu như phân tích ở trên và ý thức được tầm quan trọng, cấp thiết của vấn đề, tôi xin được lựa chọn: "**Pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam và giải pháp**" làm đề tài Khóa luận tốt nghiệp của mình vì nhận thấy đây là vấn đề yêu cầu khách quan, cần thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật về TGPL, nâng cao hiệu quả, phát triển hoạt động TGPL ở Việt Nam hiện nay.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích:**

Khóa luận làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em Việt Nam; thực trạng pháp luật TGPL cho người nghèo, trẻ em

và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam; trên cơ sở đó đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em trong thời gian tới.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Khóa luận có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp lý về pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá nhằm làm rõ thực trạng các quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam trong thời gian qua, đưa ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân để có giải pháp hoàn thiện.

- Đề xuất các quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay.

## **3. Tính mới và những đóng góp của đề tài**

Khóa luận góp phần chứng minh sự phát triển đúng đắn của hoạt động TGPL; đánh giá sâu sát, toàn diện tình hình thực hiện các quy định pháp luật về TGPL, phân tích các yêu cầu đặt ra về mặt pháp lý để phục vụ cho việc phát triển bền vững hoạt động TGPL; đề xuất giải pháp có “tính mới” để hoàn thiện pháp luật TGPL, tạo cơ sở pháp lý cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em trong thời gian tới.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

*4.1. Đối tượng nghiên cứu:* Cơ sở lý luận và thực tiễn thực hiện pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra các định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật để nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em.

*4.2. Phạm vi nghiên cứu:* Các vấn đề về pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em gồm: khái niệm TGPL, khung pháp luật về TGPL ở Việt Nam và pháp luật về TGPL ở một số nước trên thế giới; thực trạng các quy định về chủ thể, đối tượng, hình thức, phạm vi, lĩnh vực; thực tiễn thực hiện pháp luật TGPL trong thời gian qua và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật TGPL cho các đối tượng này.

## **5. Tình hình nghiên cứu**

Trợ giúp pháp lý, pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em là một vấn đề đã có một số sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, đề tài cấp Bộ và các bài báo, tạp chí, chuyên đề nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan ít, nhiều đến lĩnh vực này.

Các luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ: Luận án tiến sĩ "Điều chỉnh pháp luật về TGPL ở Việt Nam trong điều kiện đổi mới" của Tạ Thị Minh Lý; Luận án tiến sĩ "Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với hoạt động trợ giúp pháp lý ở Việt Nam hiện nay" của Nguyễn Văn Tùng; Luận văn thạc sĩ "Thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách ở Việt Nam" của Nguyễn Huỳnh Huyện; Luận văn thạc sĩ "Hoàn thiện các hình thức tiếp cận pháp luật của người nghèo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay" của Đỗ Xuân Lâm; Luận văn thạc sĩ "Hoàn thiện pháp luật về người thực hiện TGPL ở Việt Nam" của Vũ Hồng Tuyền; Luận văn Thạc sĩ "Phát triển TGPL ở cơ sở của Đặng Thị Loan; Luận văn thạc sĩ "Bảo đảm quyền được TGPL" của Phan Thị Thu Hà... Nhìn chung, các Đề tài khoa học, các luận án tiến sĩ, thạc sĩ trên đây phần lớn được thực hiện giai đoạn trước khi có Luật TGPL năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngoài ra, còn một số bài nghiên cứu, bài viết về TGPL cho người nghèo và trẻ em được đăng trên Tạp chí Luật học, Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Tạp san TGPL..

Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu nào toàn diện và hệ thống về pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em – đối tượng rất đặc thù cần được hỗ trợ. Vì vậy, đề tài Khóa luận không trùng lặp với bất cứ công trình nghiên cứu nào.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong Khóa luận là phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, những quan điểm của Đảng về TGPL; các văn kiện của Đảng, Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp sửa đổi, bổ sung năm 2001, năm 2013 và các văn bản pháp luật về TGPL, các báo cáo kết quả hoạt động, các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước cũng được tham khảo và kế thừa có chọn lọc.

Trong quá trình nghiên cứu, Khóa luận sử dụng các phương pháp nghiên cứu hệ thống, phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê. Đồng thời, tác giả còn sử dụng phương pháp khai thác và sử dụng các tư liệu thực tiễn để hoàn chỉnh Khóa luận.

## **7. Bố cục Khóa luận**

Bố cục của Khóa luận ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo. gồm 03 Chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về TGPL và pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em và thực tiễn thực hiện trong thời gian qua.

Chương 3: Quan điểm, các giải pháp hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em trong thời gian tới.

## CHƯƠNG 1

### NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM

#### 1.1. Khái niệm pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam

##### 1.1.1. Khái niệm trợ giúp pháp lý

Trợ giúp pháp lý ra đời muộn hơn so với các nhiệm vụ khác trong ngành tư pháp. Trước năm 1997, chưa có một văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và trẻ em. Ở Việt Nam, thuật ngữ “trợ giúp pháp lý” bắt đầu được sử dụng từ năm 1995 trong nghiên cứu khoa học. Đến năm 1997 thì thuật ngữ “trợ giúp pháp lý” được sử dụng một cách chính thức trong văn bản pháp luật với việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách. Sau đó, thuật ngữ “trợ giúp pháp lý” đã được sử dụng trong các văn bản triển khai thực hiện Quyết định 734/TTg ngày 06/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Đến Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 đã quy định khái niệm trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật” (Điều 3). Hiện nay, khái niệm trợ giúp pháp lý được hiểu thống nhất là “việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật” (Điều 2 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017).

Ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động TGPL cho người nghèo, trẻ em, người yếu thế đã được hình thành và phát triển từ lâu và được coi là một loại hình hoạt động thuộc chức năng xã hội của Nhà nước, là một trong những yếu tố đảm bảo quyền con người trong Nhà nước pháp quyền. Tổ chức và hoạt động TGPL của các nước trên thế giới rất phong phú và đa dạng về mô hình tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Sự phong phú, đa dạng đó xuất phát từ những đặc điểm riêng về điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia; về những quan niệm và cách tiếp cận giải quyết các vấn đề của TGPL như: đối tượng, phạm vi, phương thức và chi phí cho các hoạt động TGPL... Mặc dù có những sự khác biệt đáng kể về cách tiếp cận và xác định nội hàm của khái niệm TGPL nhưng nhìn chung, các quan điểm đều hàm chứa tính chất chung của TGPL là hoạt động mang tính kinh tế, pháp lý, xã hội và nhân đạo.

Tính kinh tế thể hiện ở khía cạnh là việc cung cấp những dịch vụ pháp lý miễn phí, nhằm giúp đỡ người khó khăn, yếu thế không có đủ khả năng tài chính, năng lực để tự mình giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật để bảo vệ lợi ích của mình trước pháp luật.

Tính pháp lý của TGPL thể hiện ở chỗ giúp đỡ, hỗ trợ cho các đối tượng được TGPL để giải quyết các vụ việc có liên quan đến pháp luật như tư vấn, bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được pháp luật quy định.

Tính xã hội và nhân đạo thể hiện ở chỗ, tạo cơ hội cho những người được TGPL có điều kiện tham gia vào các quan hệ pháp luật, thể hiện quan điểm và chính kiến của mình về các vấn đề pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của mình một cách hợp lý, hợp pháp và chính đáng. Thông qua các hoạt động TGPL và những kết quả đạt được trong quá trình đó người được TGPL sẽ cảm nhận được những giá trị của pháp luật, sức mạnh và sự công bằng của công lý, từ đó có niềm tin vào công lý và vào chính bản thân mình.

Ở Việt Nam, dưới chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ thực dân nửa phong kiến, nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” chưa được xác lập, do vậy, không có cơ sở lý luận và pháp lý cho sự ra đời của TGPL. Hoạt động TGPL chỉ bắt đầu được thực hiện cùng với sự ra đời của Nhà nước kiểu mới, Nhà nước Dân chủ nhân dân (năm 1945) với tên gọi “tư pháp bảo trợ” gắn với quy định về bảo đảm quyền bào chữa khi “người bị can, bị cáo” không tự mình bào chữa được. Nhưng các quy định này còn thiếu biện pháp bảo đảm để tổ chức thực hiện. Đồng thời, do điều kiện đất nước có chiến tranh nên tồn tại không lâu. Khái niệm TGPL lần đầu xuất hiện ở nước ta từ năm 1995, khi Bộ Tư pháp nghiên cứu xây dựng Dự án phát triển TGPL ở Việt Nam và chính thức đưa vào văn bản pháp luật là Quyết định số 734/TTg ngày 6/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Khi Bộ Tư pháp thực hiện đề tài khoa học cấp Bộ “Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay” năm 1999 đã đưa ra khái niệm TGPL như sau: Theo nghĩa rộng, TGPL là sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội cho người nghèo, trẻ em, đối tượng chính sách và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa), nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội. Theo nghĩa hẹp, TGPL là sự giúp đỡ của các tổ chức TGPL của Nhà nước cho người nghèo, trẻ em và đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận với các dịch vụ pháp lý (tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa), nhằm bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội. Hướng tiếp cận này được phát triển và hoàn thiện hơn trong những năm gần đây. Theo nghĩa rộng, TGPL là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của Nhà nước và xã hội cho người nghèo, người được hưởng chính sách ưu đãi và một số đối tượng khác do pháp luật quy định thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, đại

diện, bào chữa, kiến nghị giải quyết vụ việc và tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm bảo đảm cho mọi công dân bình đẳng trong tiếp cận pháp luật, góp phần thực hiện công bằng xã hội. Theo nghĩa hẹp TGPL là việc thực hiện các dịch vụ pháp lý miễn phí của các tổ chức TGPL của Nhà nước cho người nghèo, người được hưởng chính sách ưu đãi và một số đối tượng khác theo lĩnh vực, phạm vi trợ giúp do pháp luật quy định.

Về cơ bản, tôi đồng ý với khái niệm về TGPL cho người nghèo và trẻ em nêu trên. Khái niệm này đã đề cập đến mục đích và ý nghĩa của hoạt động TGPL là sự giúp đỡ miễn phí, tạo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và thực hiện công bằng xã hội. Khái niệm trên cũng bao hàm tương đối đầy đủ về phạm vi, chủ thể, đối tượng của hoạt động TGPL và đã thể hiện được một cách toàn diện những thuộc tính chung, bản chất của hoạt động TGPL ở Việt Nam.

### ***1.1.2. Khái niệm người nghèo, trẻ em với tính cách là những người thụ hưởng trợ giúp pháp lý***

#### ***1.1.2.1. Người nghèo***

Theo Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 thì các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 như sau:

- Tiêu chí thu nhập
  - + Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.
  - + Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản
  - + Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.
  - + Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Theo đó, chuẩn hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Người nghèo thụ hưởng trợ giúp pháp lý được xác định dựa trên các tiêu chí và định nghĩa do từng quốc gia đặt ra. Thông thường, các tiêu chí như thu nhập, tài sản, và trạng thái kinh tế chung được sử dụng để xác định tư cách của một người là người nghèo và có đủ điều kiện được hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí. Tựu chung lại, khái niệm về đói nghèo phản ánh những khía cạnh cơ bản sau đây:

- Không được hoặc ít được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản ở mức tối thiểu dành cho con người.

- Mức sống của người nghèo, hộ nghèo thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư tại địa bàn sinh sống. Thiếu hoặc không có cơ hội lựa chọn để tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng. Người nghèo luôn luôn là đối tượng được quan tâm của mỗi quốc gia vì đó là nhóm đối tượng yếu thế của xã hội, chịu ảnh hưởng trực tiếp và đầu tiên từ quá trình phát triển kinh tế, xã hội, quá trình biến đổi khí hậu... Người nghèo luôn mang tâm lý tự ti, dè dặt và là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, luôn sống trong tâm trạng bị gạt ra bên lề và không thuộc về xã hội. Họ nghĩ rằng mình ở vị trí thấp kém trong thang bậc xã hội, chẳng có quyền lực hay tiếng nói gì trong xã hội mà họ đang sống. Do quá vất vả với cuộc sống mưu sinh, người nghèo không có cái nhìn dài hạn mà luôn chọn thái độ sống vì cái hiện tại, cái trước mắt, cái ăn cái mặc hàng ngày... Vì vậy, tìm hiểu cuộc sống, đánh giá đúng về số lượng, mức độ nghèo sẽ giúp cho mỗi nước có những chủ trương, chính sách phù hợp để hỗ trợ người nghèo tự ổn định cuộc sống, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

Ở Việt Nam, do chiến tranh kéo dài nên sau khi giành độc lập dân tộc và khôi phục kinh tế, cho nên mặc dù đã thực hiện chủ trương, đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội nhưng vào những năm cuối của thế kỷ 20, Việt Nam vẫn được xếp vào nhóm các nước nghèo trên thế giới. Có một thực trạng là đa số người nghèo (90%) lại sinh sống ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, điều kiện cơ sở hạ tầng và sinh hoạt văn hoá tinh thần thấp kém, giao thông đi lại khó khăn. Mức thu nhập của họ rất thấp, chủ yếu từ lao động thô sơ và nông nghiệp, kết quả khai thác nguồn lực (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, vốn, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón...) hạn chế, trình độ tay nghề thấp, việc làm thiếu hoặc không ổn định. Nhiều vùng người dân còn không có cơ hội và năng lực để tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ sản xuất của Nhà nước như khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ động, thực vật; phần lớn hộ nghèo lại đông con nên cuộc sống bấp bênh và dễ bị tổn thương bởi bệnh tật, thiên tai (bão, lũ, lụt...). Từ chỗ nghèo đói về vật chất dẫn đến sự thua kém về địa vị xã



hội, bất bình đẳng, thiệt thòi trong việc tiếp cận và hưởng lợi từ các nguồn lực xã hội. Người nghèo cũng không có điều kiện tiếp cận với pháp luật, các dịch vụ pháp lý có thu phí của luật sư để giải quyết những vướng mắc, tranh chấp pháp luật nên họ thường phải “hứng chịu” những thua thiệt trong kiện tụng, đã nghèo lại càng nghèo hơn. Đứng trước thực trạng đói nghèo trên, xác định tăng trưởng kinh tế luôn đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội (trong đó có đói nghèo), Đảng đã kịp thời đề ra các chủ trương, chính sách và được Nhà nước ta thể chế hoá thành pháp luật nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo tiền đề xoá đói giảm nghèo và trực tiếp triển khai công cuộc xoá đói giảm nghèo. Việc xoá đói giảm nghèo ở Việt Nam được thực hiện toàn diện trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội từ kinh tế, y tế, văn hoá, giáo dục, pháp luật...

#### *1.1.2.2. Trẻ em*

Cùng với đối tượng người nghèo, Nhà nước luôn dành những ưu ái đặc biệt trên nhiều lĩnh vực (y tế, giáo dục, nhà ở, việc làm...) cho một số nhóm đối tượng khác, đó chính là trẻ em. (Điều 1 Luật Trẻ em 2016 quy định “Trẻ em là người dưới 16 tuổi.”). Việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước Việt Nam quan tâm. Trong mọi hoạt động của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân có liên quan đến trẻ em thì lợi ích của trẻ em được quan tâm hàng đầu, đây là nguyên tắc xuyên suốt trong chính sách, pháp luật của Việt Nam đối với trẻ em. Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội (trong đó có trẻ em) được thể hiện rất đầy đủ trong Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ các em sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

#### ***1.1.3. Khung pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em.***

Xuất phát từ tính chất, nội dung và yêu cầu của TGPL, các quan hệ pháp luật về TGPL, thì pháp luật TGPL cho người nghèo, trẻ em quy định những vấn đề liên quan trực tiếp đến TGPL và đối tượng được TGPL để điều chỉnh hoạt động TGPL. Mọi quy phạm pháp luật có liên quan đến quy định về TGPL có thể được tách riêng và lập thành hệ thống pháp luật và được xem xét dưới một khung pháp luật về đối tượng này. Vì thế, đây là đặc điểm cơ bản nhất làm cho khung pháp luật đối với TGPL cho người nghèo và trẻ em có thể dễ nhận biết và phân biệt với khung pháp luật về đối tượng khác.

Căn cứ vào các văn bản pháp luật về TGPL ở Việt Nam hiện nay, chủ yếu là Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 có thể đưa ra khái niệm pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em như sau: Pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em là hệ thống các nguyên tắc và quy phạm do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa Nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân... và người

nghèo, trẻ em trong quá trình cung cấp các dịch vụ pháp lý miễn phí cho các đối tượng này giúp họ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý và công bằng xã hội.

Văn bản pháp lý trong nước đầu tiên của Việt Nam ghi nhận các quy định điều chỉnh về TGPL cho người nghèo và trẻ em là Quyết định số 734/TTg về việc thành lập tổ chức TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Trên cơ sở của các quy định này, nhiều văn bản pháp luật quan trọng về TGPL cho người nghèo và trẻ em lần lượt ra đời và đã hình thành hệ thống các văn bản pháp luật ngày càng đầy đủ và cụ thể hơn. Luật TGPL năm 2017 hiện hành là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc bảo đảm quyền được TGPL của công dân, bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là bảo vệ quyền lợi cho những người dân nghèo, những người yếu thế hơn trong xã hội (người tàn tật, trẻ em...) Đến nay, chúng ta có các văn bản hướng dẫn cụ thể như sau:

- Nghị định của Chính phủ gồm: Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật TGPL; Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP; Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, TGPL, luật sư, tư vấn pháp luật.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm: Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2008 phê duyệt Đề án Quy hoạch mạng lưới Trung tâm TGPL và Chi nhánh giai đoạn 2008 – 2010, định hướng đến năm 2015; Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18 tháng 08 năm 2010 về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định số 84/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 06 năm 2008 về việc thành lập Quỹ TGPL Việt Nam; Quyết định 678/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2011 phê duyệt Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg Ban hành chính sách TGPL cho người nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013 -2020.

- Thông tư liên tịch gồm: Thông tư liên tịch 08/2008/TTLT-BTP-BNV ngày 07 tháng 11 năm 2008 Hướng dẫn về tổ chức và biên chế của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước; Thông tư liên tịch 10/2011/TTLY-BTP-TTCP ngày 06 tháng 06 năm 2011 Hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý trong việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính; Thông tư liên tịch 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17 tháng 01 năm 2012 Hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số; Thông tư liên tịch 58/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 08 tháng 05 năm 2014 Hướng dẫn chế độ quản

lý, cấp phát trang phục của Trợ giúp viên pháp lý; Thông tư liên tịch 08/2016/TTLT-BTP-BNV ngày 23 tháng 06 năm 2016 Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Trợ giúp viên pháp lý; Thông tư liên tịch 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 06 năm 2018 Quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

- Thông tư của Bộ Tư pháp gồm: Thông tư số 11/2014/TT-BTP ngày 17 tháng 04 năm 2014 Quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý; Thông tư số 21/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 11 năm 2014 Quy định mẫu trang phục, việc quản lý, sử dụng trang phục của Trợ giúp viên pháp lý; Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 09/2018/TT-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2018 Quy định Tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp, điển hình; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2019 Quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp; Thông tư số 03/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 04 năm 2020 Ban hành Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý; Thông tư số 59/2020/TT-BTP ngày 18 tháng 06 năm 2020 Hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 02/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 Hướng dẫn cách tính thời gian theo buổi làm việc thực tế và khoán chi vụ việc trợ giúp pháp lý; Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25 tháng 5 năm 2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; Thông tư số 05/2022/TT-BTP ngày 05 tháng 9 năm 2022 Quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý; Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành; Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp gồm: Quyết định số 1042/QĐ-BTP năm 2020 về Chương trình phát triển trợ giúp pháp lý giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3336/QĐ-BTP năm 2018 về Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động trợ giúp pháp lý; Quyết định số 3337/QĐ-BTP năm 2018 về Quy chế hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước.

Ngoài việc tuân thủ theo những quy định của pháp luật về TGPL nói chung thì TGPL cho người nghèo và trẻ em còn tuân thủ theo các quy phạm pháp luật riêng biệt như Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật Luật sư... Đồng thời, trong quan hệ quốc tế Việt Nam đã ký kết nhiều Hiệp định tương trợ tư pháp với các nước mở ra khả năng cho các công dân Việt Nam được TGPL miễn phí ở nước ngoài và công dân nước ngoài được TGPL ở Việt Nam. Cụ thể, Việt Nam đã ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp với nhiều nước trên thế giới như Hiệp định với Ba Lan, Bêlarút, Bungari, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên, CuBa, Hungari, Lào, Liên Xô cũ (Cộng hoà liên bang Nga kế thừa), Mông Cổ, Nga, Pháp, Tiệp Khắc (Séc, Xlovakia kế thừa), Trung Quốc, Ucraina, Hàn Quốc... Nội dung của các văn bản pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế trên đây đã đóng góp một phần rất quan trọng trong việc điều chỉnh về TGPL cho người nghèo và trẻ em có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, so với đòi hỏi thực tế của đời sống quốc tế, pháp luật của Việt Nam về vấn đề này vẫn cần được nghiên cứu để áp dụng có hiệu quả và bổ sung hoàn thiện.

Có thể thấy, việc ban hành khung pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em là một yếu tố quan trọng vì thể chế đóng vai trò là nền tảng đối với hiệu quả hoạt động TGPL. Nếu hệ thống pháp luật về TGPL hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, điều chỉnh toàn diện các vấn đề phát sinh về tổ chức và hoạt động TGPL. Các quy định pháp luật phù hợp với yêu cầu thực tiễn, dễ hiểu, dễ vận dụng, công khai, minh bạch sẽ tạo cơ sở pháp lý để đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động TGPL có hiệu quả và ngược lại.

#### ***1.1.4. Vai trò của pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em***

*Thứ nhất*, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo và trẻ em tiếp cận và được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí. Pháp luật là phương tiện để quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đồng thời nó cũng là phương tiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện công lý, công bằng xã hội. Song do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan (trình độ học vấn, hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh sống khó khăn...) nhiều người dân vẫn chưa thực sự tiếp cận được với pháp luật, chưa sử dụng pháp luật như một hình thức hữu hiệu và phù hợp với hoàn cảnh để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình. Chính vì vậy, việc ban hành pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em là một yếu tố quan trọng để thực hiện mục đích trên. Pháp luật về TGPL

cho người nghèo và trẻ em là địa chỉ tin cậy, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo và trẻ em biết và tiếp cận được với dịch vụ pháp lý miễn phí khi lợi ích của họ bị xâm phạm hoặc có nguy cơ bị xâm phạm, đồng thời, biết sử dụng pháp luật như một công cụ để bảo vệ các lợi ích đó. Qua đó, giải tỏa kịp thời các vướng mắc pháp luật, hạn chế tình trạng “chuyện bé xé ra to”, “cái này nảy cái ung”. Việc đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân một cách kịp thời, thường xuyên còn góp phần hình thành thói quen, củng cố nếp sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trong cộng đồng dân cư.

*Thứ hai*, góp phần tăng cường quan hệ phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và tổ chức đoàn thể và tạo hành lang pháp lý, định hướng cho các quan hệ TGPL cho người nghèo và trẻ em phát triển ổn định góp phần thúc đẩy sự phát triển của hoạt động TGPL. Hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em có những đặc thù riêng do tính chất, quan hệ TGPL cho đối tượng này đa dạng, phong phú, không chỉ là quan hệ giữa người thực hiện TGPL và đối tượng TGPL mà còn là mối quan hệ với các cơ quan tiến hành tố tụng, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan, vị trí của người thực hiện TGPL, việc tham gia TGPL của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp... Vì vậy, pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em đã có vai trò tích cực trong việc tạo xác lập, điều chỉnh các quan hệ này theo một trật tự nhất định, đảm bảo các quan hệ TGPL cho người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác phát triển ổn định.

*Thứ ba*, pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em thể hiện trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người nghèo và trẻ em, góp phần thể chế hóa chủ trương của Đảng về TGPL, đảm bảo công bằng thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước. Pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em thực sự là công cụ pháp lý góp phần thực hiện chủ trương tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật và tạo điều kiện giúp đỡ mọi người sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thực hiện chính sách xã hội hóa một bước trong lĩnh vực pháp luật và đề cao trách nhiệm cho Nhà nước trong việc đưa pháp luật vào cuộc sống.

## **1.2. Điều chỉnh pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở một số nước trên thế giới**

Hoạt động TGPL đã được hình thành từ khá lâu ở các nước trên thế giới, cụ thể pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở một số nước trên thế giới, có một số điểm đáng lưu ý:

**\*Hoa Kỳ:** Luật Trợ giúp Pháp lý Quốc gia (Legal Services Corporation Act) năm 1974 thiết lập một cơ quan liên bang cung cấp trợ giúp pháp lý miễn phí cho những

người có thu nhập thấp. Các tiểu bang cũng có các chương trình trợ giúp pháp lý riêng, ví dụ như Chương trình Trợ giúp Pháp lý California (California's Legal Aid Program).

**\*Anh:** Luật Trợ giúp Pháp lý, Quan tòa và Trật tự Công cộng (Legal Aid, Sentencing and Punishment of Offenders Act) năm 2012 mở rộng phạm vi trợ giúp pháp lý cho các vấn đề như di trú, phúc lợi xã hội và vấn đề gia đình. Chính phủ cung cấp ngân sách hàng năm cho các tổ chức trợ giúp pháp lý độc lập.

**\*Canada:** Các tổ chức trợ giúp pháp lý ở cấp tỉnh/lãnh thổ nhận tài trợ từ chính phủ để cung cấp các dịch vụ miễn phí cho những người có thu nhập thấp. Một số tổ chức còn chú trọng đến việc bảo vệ quyền của trẻ em và người bản địa.

**\*Úc:** Luật Trợ giúp Pháp lý (1977) quy định trợ giúp pháp lý miễn phí cho những người không có khả năng tự trả phí dịch vụ pháp lý. Các tiểu bang và lãnh thổ có các chương trình trợ giúp pháp lý riêng, với sự hỗ trợ tài chính từ chính phủ liên bang.

Nhìn chung, các nước trên đều ưu tiên cung cấp trợ giúp pháp lý miễn phí cho những người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Các chương trình này được xây dựng trên cơ sở luật pháp quốc gia và nguồn tài chính từ chính phủ.

### ***1.2.1. Mô hình tổ chức trợ giúp pháp lý của các nước trên thế giới***

Nhìn chung, trên thế giới hiện nay có 3 mô hình TGPL chủ yếu, đó là: mô hình luật sư công (mô hình do Nhà nước thực hiện hoàn toàn), mô hình TGPL do luật sư và tổ chức xã hội thực hiện hoàn toàn, mô hình hỗn hợp (TGPL do Nhà nước thành lập tổ chức thực hiện và thu hút luật sư, các tổ chức xã hội tham gia). Tuy nhiên, xu hướng phổ biến nhất hiện nay là hệ thống TGPL theo mô hình hỗn hợp.

#### ***1.2.1.1. Mô hình luật sư công***

Theo mô hình này Nhà nước trực tiếp thực hiện toàn bộ các vụ việc TGPL bằng cách thành lập ra hệ thống của mình, tuyển dụng đội ngũ người thực hiện TGPL và cấp kinh phí cho hệ thống hoạt động. Qua nghiên cứu mô hình TGPL của các nước thì thấy rằng, không có nhiều nước áp dụng mô hình này. Hiện nay, Phillipine và Achantina là các nước theo mô hình này và có các ưu điểm như sau Nhà nước hoàn toàn chủ động trong việc xây dựng và thống nhất tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch TGPL của mình trong phạm vi toàn quốc; Tổ chức và người thực hiện TGPL chủ động, không bị phụ thuộc vào đội ngũ luật sư tư trong việc thực hiện vụ việc; có điều kiện tập trung đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong tất cả các lĩnh vực TGPL, kể cả những lĩnh vực không có luật sư tư tham gia; Nhà nước chủ động và thống nhất quản lý công tác TGPL; chủ động giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL thông qua hệ thống các cơ quan và người thực hiện TGPL của Nhà nước.

Nhược điểm của mô hình này là: Do chỉ có hệ thống TGPL của Nhà nước nên người được TGPL chỉ được lựa chọn người thực hiện TGPL là người do Nhà nước tuyển dụng, không thể lựa chọn luật sư tư; Trong trường hợp nhu cầu TGPL của người dân lớn gây ra sự quá tải, tạo áp lực cho người thực hiện TGPL của Nhà nước; Một số trường hợp khó bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quá trình xử lý vụ việc do mối quan hệ giữa cơ quan TGPL của Nhà nước và các cơ quan tổ tụng trong cùng hệ thống bộ máy của Nhà nước; Nguồn nhân lực và tài chính cho TGPL hoàn toàn phụ thuộc vào Chính phủ, nên có thể gây áp lực cho ngân sách nhà nước nhất là khi phải đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng tăng của xã hội.

#### *1.2.1.2. Mô hình Luật sư tư*

Theo mô hình này, cơ quan nhà nước chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về TGPL, xây dựng kế hoạch, chính sách, xem xét điều kiện TGPL, giao vụ việc cho luật sư và các tổ chức xã hội thực hiện, nghiệm thu vụ việc và thanh toán thù lao cho người thực hiện TGPL. Qua nghiên cứu thì thấy rằng rất ít nước tổ chức hệ thống TGPL theo mô hình này như Indonesia, Hungary, Ý, Tây Ban Nha. Ưu điểm của mô hình này là: Nhà nước không cần thành lập hệ thống các cơ quan TGPL nên Nhà nước không cần đầu tư trụ sở, trang thiết bị; không phải tuyển dụng, đào tạo và quản lý đội ngũ cán bộ và không phải trả lương, các chi phí hành chính cho đội ngũ người thực hiện TGPL của Nhà nước mà sử dụng luật sư và các tổ chức xã hội. Nhược điểm của mô hình này là: Việc thực hiện TGPL hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ luật sư tư, do đó, Nhà nước không chủ động trong việc cử luật sư thực hiện TGPL; Chi phí thực hiện vụ việc TGPL của luật sư tư cao; Việc quản lý, đánh giá vụ việc và chi trả thù lao cho luật sư tư và tổ chức xã hội khá phức tạp, đòi hỏi cơ quan TGPL và các luật sư phải có sự hỗ trợ mạnh mẽ của công nghệ thông tin; Nhà nước phải phụ thuộc vào luật sư, do đó khi luật sư có yêu sách, nhà nước phải đáp ứng, nếu không họ không thực hiện TGPL.

Mặc dù hiện nay, tất cả các mô hình TGPL trên vẫn còn được sử dụng, tuy nhiên, chúng ta thấy xu hướng ngày càng có nhiều quốc gia chuyển dịch từ mô hình luật sư tư thực hiện sang các mô hình hỗn hợp có sự tham gia tích cực của Nhà nước. Một số nước đã từng áp dụng mô hình này đã chuyển đổi sang mô hình hỗn hợp. Ví dụ, trước năm 2006 tại Nhật Bản, hoạt động TGPL giao hoàn toàn cho Liên đoàn luật sư. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Liên đoàn luật sư đã không bảo đảm đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Do đó, Nhà nước đã thành lập hệ thống TGPL của Nhà nước và ký hợp đồng với luật sư tư để thực hiện một số vụ việc. Tại Nam Phi, từ năm 1969 công việc TGPL được giao cho luật sư; sau một thời gian thực hiện thấy rằng cơ quan nhà nước không thể kiểm soát yêu cầu chi phí thực hiện TGPL của luật sư tư cũng như chất lượng dịch vụ pháp lý cung cấp cho người được

TGPL. Nhiều luật sư kê không thời gian thực hiện TGPL và yêu cầu Nhà nước trả tiền. Do đó, Nam Phi đã nghiên cứu xây dựng thí điểm mô hình tổ chức TGPL của Nhà nước, tuyển dụng các luật sư làm việc thường xuyên tại tổ chức và trả lương hàng tháng, bên cạnh đó Nhà nước cũng có cơ chế huy động luật sư tự thực hiện TGPL thông qua ký hợp đồng vụ việc.

### *1.2.1.3. Mô hình hỗn hợp*

Theo mô hình này, các nước thành lập hệ thống TGPL của Nhà nước, ký hợp đồng với các tổ chức xã hội hoặc luật sư tham gia thực hiện TGPL và trả thù lao cho luật sư, tổ chức xã hội. Mô hình này là sự kết hợp của 02 mô hình trên, nên có thể phát huy được hiệu quả, ưu điểm, đồng thời khắc phục những hạn chế của 02 mô hình trên. Hiện nay, rất nhiều nước áp dụng mô hình này (Nhật Bản, Ailen, bang Victoria, Queensland (Úc), Mỹ, Nam Phi, Hàn Quốc, bang Ontario (Canada), Malaysia, Israel...). Đây là mô hình phổ biến nhất hiện nay trên thế giới và cũng là mô hình được đánh giá hiệu quả nhất, phát huy được ưu điểm và khắc phục được những bất cập, hạn chế của 2 mô hình kia (mô hình do Nhà nước thực hiện hoàn toàn và mô hình do luật sư thực hiện hoàn toàn), cụ thể như sau: Mô hình này cho phép sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội do kết hợp và phát huy được các lợi thế của người thực hiện TGPL của Nhà nước và các luật sư tư, các tổ chức xã hội. Thực tiễn cho thấy, mô hình này đã mang lại hiệu quả cao trong công tác TGPL; Do có đội ngũ người thực hiện TGPL của Nhà nước nên Nhà nước bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu TGPL của người dân ở những địa bàn khác nhau (ngay cả vùng sâu, vùng xa, nơi không có hoặc có rất ít luật sư tư), không bị quá lệ thuộc vào đội ngũ luật sư tư; đồng thời, Nhà nước có thể chủ động điều phối các nguồn lực (kể cả nhân lực và kinh phí) ở mọi thời điểm, bảo đảm cho công tác TGPL phát triển ổn định và hiệu quả, thông qua đó Nhà nước thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong công tác công tác TGPL; Nhà nước có thể huy động được các nguồn lực khác nhau trong xã hội tham gia công tác TGPL. Căn cứ vào nhu cầu TGPL của người dân và nguồn kinh phí dành cho công tác TGPL, Nhà nước có thể lựa chọn và ký hợp đồng TGPL với các luật sư tư, tổ chức tham gia TGPL và điều phối vụ việc TGPL trong những trường hợp cần thiết; Đội ngũ người thực hiện TGPL của Nhà nước hoạt động ổn định do họ được tuyển dụng, được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo chính sách phát triển của Nhà nước và được trả lương theo quy định chung của Nhà nước; Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa người thực hiện TGPL của Nhà nước và luật sư tư nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vụ việc. Vì vậy, người được TGPL có cơ hội được hưởng dịch vụ TGPL tốt hơn.

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm nước ngoài về TGPL, đặc biệt là ưu, nhược điểm của từng mô hình, ngay từ ngày đầu thành lập Việt Nam đã lựa chọn mô hình hỗn



hợp. Mô hình này thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước trong việc chủ động nguồn lực thực hiện TGPL, đồng thời huy động sự tham gia tự nguyện của các tổ chức xã hội. Áp dụng mô hình này Nhà nước có sự chủ động trong việc đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân, tránh bị động phụ thuộc vào nguồn lực ngoài Nhà nước. Hơn nữa, sự tồn tại song song hai chủ thể thực hiện TGPL sẽ tạo ra sự cạnh tranh trong việc nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân cũng như chất lượng vụ việc TGPL.

### ***1.2.2. Người thực hiện trợ giúp pháp lý***

Nhìn chung ở các nước, hoạt động TGPL chủ yếu được thực hiện bởi đội ngũ luật sư chuyên nghiệp. Ngoài ra, một số nhóm người khác như: sinh viên, cán bộ pháp luật nhà nước, những người có kiến thức pháp luật nhất định cũng được thu hút, khuyến khích làm công tác TGPL.

Ví dụ như tại Hungary, người thực hiện trợ giúp pháp lý ở Hungary gồm luật sư và giảng viên các trường đại học. Theo quy định của Luật luật sư Hungary năm 1998, luật sư muốn hành nghề luật và cung cấp các dịch vụ pháp lý ở Hungary thì phải là thành viên của một Đoàn luật sư ở Hungary. Ở Hungary, cử nhân luật phải trải qua hai bước riêng biệt để hành nghề luật. Thứ nhất, sau khi có bằng đại học luật ở một trong bảy trường luật của Hungary và hoàn thành tập sự (việc tập sự phải có thời gian tối thiểu là 03 năm toàn thời gian và hoàn thành việc tập sự ở Hungary), các ứng viên phải vượt qua kỳ kiểm tra pháp luật nhà nước (kiểm tra nghề luật sư). Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể về kỳ thi kiểm tra nghề luật sư. Mục đích của kỳ thi này là để đánh giá kiến thức pháp luật và kỹ năng hành nghề. Thứ hai, sau khi đáp ứng được các điều kiện tại bước thứ nhất, ứng viên cần phải nộp đơn xin gia nhập Đoàn luật sư để trở thành một thành viên của Đoàn luật sư đủ điều kiện hành nghề luật. Để trở thành thành viên của Đoàn luật sư, ứng viên cần có các điều kiện sau: Là công dân Hungary; Lý lịch tư pháp rõ ràng; Có bằng cử nhân luật; Vượt qua kỳ kiểm tra nghề luật sư; Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; Người thành lập văn phòng luật thì phải có văn phòng luật.

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, các giảng viên vượt qua được kỳ kiểm tra nghề luật sư và có bằng Tiến sỹ luật có thể cung cấp các dịch vụ pháp lý dưới sự giám sát của giảng viên đứng đầu đơn vị đó. Pháp luật Hungary cũng quy định trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý. Đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý là luật sư: Luật Luật sư Hungary 1998 quy định về trách nhiệm tài chính của các luật sư. Cụ thể:

- Theo Bộ luật Dân sự, Luật sư chịu trách nhiệm bồi hoàn đối với bất kỳ thiệt hại nào trong lĩnh vực hành nghề của họ.

- Luật sư phải có chính sách bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp để đền bù cho các thiệt hại gây ra trong lĩnh vực hành nghề của họ và chính sách bảo hiểm đó phải còn giá trị trong thời gian hành nghề của luật sư.

Ngoài ra, luật sư bị kỷ luật nếu vi phạm nghĩa vụ từ việc hành nghề luật của mình hoặc vi phạm bộ quy tắc đạo đức và hành vi có lỗi đó nằm ngoài lĩnh vực hoạt động của luật sư là một sự xúc phạm đến uy tín của nghề luật. Các biện pháp kỷ luật có thể áp dụng đối với luật sư vi phạm pháp luật đó là khiển trách, phạt tiền, khai trừ khỏi Liên đoàn luật sư. Đối với người thực hiện trợ giúp pháp lý là giảng viên các trường đại học Luật trợ giúp pháp lý quy định trường đại học phải chịu trách nhiệm theo luật dân sự để bồi thường cho bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ việc trợ giúp pháp lý không đúng thẩm quyền.

Hay như tại Philippine, người thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm các luật sư công (thuộc Văn phòng luật sư công của Nhà nước), luật sư tư (thuộc Hiệp hội luật sư) và các luật sư thuộc các tổ chức trợ giúp pháp lý phi Chính phủ. Nhìn chung, những người này muốn thực hiện trợ giúp pháp lý đều phải có chứng chỉ luật sư. Bất kỳ người nào muốn làm việc với tư cách luật sư tư hay làm việc trong một cơ quan pháp luật của Chính phủ đều phải có bằng Đại học luật và qua kỳ thi tuyển để trở thành luật sư do Hiệp hội luật sư tổ chức. Sau khi đã được công nhận là luật sư, những người này có thể tự lựa chọn trở thành luật sư hay làm việc cho một cơ quan pháp luật Nhà nước. Ngoài ra, một số nhóm người khác như: sinh viên, cán bộ pháp luật nhà nước, những người có kiến thức pháp luật nhất định cũng được thu hút, khuyến khích tham gia công tác trợ giúp pháp lý.

Ở Israel, trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hình sự gồm: Luật sư nhà nước thuộc Văn phòng luật sư Nhà nước; Luật sư tư do Văn phòng Luật sư Nhà nước thuê và chịu sự giám sát của Luật sư là thành viên của Văn phòng, những Luật sư này cộng tác theo vụ việc; Luật sư làm việc theo một hợp đồng, theo hợp đồng Luật sư thoả thuận thực hiện một số vụ việc nhất định cho Văn phòng Luật sư Nhà nước và nhận khoản thù lao cố định. Trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực dân sự gồm: Luật sư là thành viên của Văn phòng trợ giúp pháp lý dân sự; Luật sư do Văn phòng thuê.

So sánh với quy định về người thực hiện TGPL ở Việt Nam cho thấy người thực hiện TGPL ở Việt Nam cũng có điểm tương đồng với hầu hết các nước, bao gồm đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý hưởng lương từ ngân sách nhà nước (về bản chất là luật sư công); đội ngũ cộng tác viên TGPL; luật sư, tư vấn viên pháp luật của các tổ chức đăng ký tham gia TGPL. Việc Luật TGPL năm 2017 bổ sung tiêu chuẩn của Trợ giúp viên pháp lý ngang bằng với luật sư là một điểm tiến bộ, giúp quy định về người thực hiện TGPL ở Việt Nam gần hơn nữa với thế giới.

### ***1.2.3. Người được trợ giúp pháp lý***

Đối tượng được TGPL của các nước trên thế giới đều có điểm chung là những người nghèo không có khả năng thanh toán các chi phí khi tiếp cận với các dịch vụ pháp luật như (Hàn Quốc, Israel, Nhật Bản, Hà Lan, Indonesia, Singapore); hoặc là những đối tượng yếu thế được ưu tiên trợ giúp như: phụ nữ, vị thành niên, người già cô đơn không nơi nương tựa, người tàn tật. Tuy nhiên, ở các nước khác nhau có những quy định khác nhau về mức độ nghèo đói, căn cứ vào thu nhập bình quân đầu người trong gia đình.

Tại Hà Lan, quyền được TGPL được dành cho cả công dân Hà Lan và công dân nước ngoài đang sinh sống, học tập, làm việc tại Hà Lan. Theo thống kê, hiện có khoảng 39% dân số Hà Lan có quyền được TGPL (dân số Hà Lan theo thống kê năm 2013 là khoảng 16,8 triệu người). Tuy nhiên, ở Hà Lan, không phải mọi người đều được TGPL miễn phí mà được chia như sau:

- Đối với tư vấn đơn giản tại các tổ chức cung cấp dịch vụ TGPL: mọi người dân đều được hưởng tư vấn miễn phí.

- Đối với các vụ việc dân sự phức tạp, cần phải ra Tòa thì điều kiện chính để xét một người có thuộc diện được TGPL là điều kiện khó khăn về tài chính dựa trên mức thu nhập và tài sản khác mà người đó đang có. Tuy nhiên, đối với những người này, họ không được miễn phí hoàn toàn mà vẫn phải đóng góp một phần chi phí tùy thuộc vào tính chất vụ việc và mức độ thu nhập. Mức đóng góp của người được TGPL trong khoảng từ 53 Euro/vụ đến 849Euro/vụ tùy theo vụ việc đó là hòa giải hay tham gia tố tụng tại Tòa.

- Người không có nhà cửa, thu nhập, không có khả năng chi trả, người không được hưởng phúc lợi xã hội (rất hiếm); người bị tạm giam, tạm giữ sẽ được miễn phí mà không phải đóng góp kinh phí cho nhà nước.

- Những người có điều khoản TGPL trong Hợp đồng bảo hiểm sẽ không được chấp nhận cung cấp dịch vụ TGPL.

Ở Indonesia, Người hoặc nhóm người nghèo không thể được đáp ứng các quyền cơ bản (quyền về lương thực, quần áo, sức khỏe, giáo dục, việc làm và kinh doanh, và/hoặc nhà ở) thì sẽ thuộc nhóm người được TGPL.

Tại Singapore, người được TGPL sẽ đáp ứng những điều kiện: Công dân Singapore sinh sống ở Singapore; Công dân nước ký hiệp định tương trợ tư pháp với Singapore mà liên quan đến thực hiện Hiệp định Hague về các vấn đề dân sự bắt cóc trẻ em quốc tế. Việc xác định điều kiện của một công dân Singapore hoặc người nhập cư lâu dài được TGPL và số tiền người đó đóng góp vào quỹ dựa trên bản kiểm tra được

cập nhập vài năm một lần. Bản kiểm tra yêu cầu người được TGPL phải có thu nhập 12 tháng trước khi nộp đơn sau khi được giảm trừ gia cảnh không được vượt quá 6.900 đô la Mỹ. Từ tháng 3 năm 2007, hình thức kiểm tra này được áp dụng.

Trong tương quan với người thuộc diện TGPL ở các nước có thể thấy diện người được TGPL theo pháp luật Việt Nam khá rộng. Đặc biệt, theo Luật TGPL năm 2017 mới được Quốc hội ban hành tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV thì diện người được TGPL đã được mở rộng (từ 6 nhóm người lên 14 nhóm người). Ngoài người nghèo theo thông lệ chung của các nước trên thế giới thì thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách đền ơn đáp nghĩa Điều 7 Luật TGPL năm 2017 đã mở rộng ra một số đối tượng khác

#### ***1.2.4. Kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý***

Ở Isarel, kinh phí dành cho trợ giúp pháp lý lấy từ nguồn ngân sách nhà nước. Hàng năm, hoạt động trợ giúp pháp lý nhận được khoảng 102 triệu đô la, chiếm khoảng 0.1% ngân sách quốc gia. Trong số đó, khoảng 53-60 triệu đô dành cho trợ giúp pháp lý hình sự, và khoảng 40 triệu đô dành cho trợ giúp pháp lý dân sự.

Hay như tại Hà Lan, hằng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động và kế hoạch TGPL do Hội đồng TGPL đệ trình, Bộ Tư pháp trình Nghị viện thông qua kế hoạch hoạt động và cấp kinh phí cho Hội đồng TGPL. Kinh phí cấp cho hoạt động TGPL ở Hà Lan là kinh phí mở, không giới hạn mức trần. Kinh phí sẽ tăng khi các vụ việc tăng, đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng.

Trong những năm trước đây, nguồn kinh phí cấp cho TGPL ở Việt Nam chỉ chủ yếu tập trung vào việc bảo đảm về cơ sở vật chất, duy trì tổ chức bộ máy và các hoạt động TGPL khác (truyền thông, TGPL lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ TGPL...) mà chưa chú trọng vào việc thực hiện các vụ việc cụ thể (kinh phí dành cho vụ việc chỉ chiếm khoảng 10-15% tổng ngân sách hàng năm), lại chủ yếu ở hình thức tư vấn pháp luật. Tuy nhiên, triển khai thực hiện Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2020, các Trung tâm TGPL nhà nước đã dần hướng về thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện vụ việc TGPL cụ thể, đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng. Do đó, cơ cấu chi dân có sự thay đổi, tập trung chi nhiều hơn cho thực hiện vụ việc. Sự thay đổi này phù hợp với thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới, kinh phí được bố trí chủ yếu cho việc thực hiện vụ việc TGPL.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 1**

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận về hoạt động TGPL ở Việt Nam, trong Chương 1, tác giả đã tập trung làm rõ khái niệm về TGPL, khái niệm về người nghèo và trẻ em với tính cách là những người thụ hưởng TGPL, khung pháp luật về TGPL ở Việt Nam, vai trò của pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em và điều chỉnh pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở một số nước trên thế giới. Những vấn đề lý luận được trình bày ở Chương 1 là cơ sở để phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam trong thời gian qua.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN QUA

#### 2.1. Thực trạng pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay

##### *2.1.1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam*

Trợ giúp pháp lý ngày từ khi ra đời, luôn hướng tới các đối tượng yếu thế trong xã hội mà đầu tiên là người nghèo và trẻ em. Với mục tiêu giúp đỡ những đối tượng này tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về pháp luật, góp phần phần bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật. Từ năm 1945 đến nay, hệ thống pháp luật về TGPL của nước ta trải qua các bước phát triển khác nhau, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, gắn với nhiệm vụ chính trị của đất nước và đáp ứng nhu cầu của người dân trong từng giai đoạn. Ở mỗi thời điểm, pháp luật về TGPL có những đặc trưng riêng, phát triển và từng bước hoàn thiện, góp phần quan trọng trong việc giữ vững ổn định an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Có thể nói, giai đoạn từ khi thành lập đến nay là một giai đoạn tương đối dài, chứng kiến những đổi thay, chuyển mình của công tác trợ giúp pháp lý. Vì vậy, để làm nổi bật những điểm nhấn của quá trình phát triển công tác trợ giúp pháp lý, có thể chia thành các giai đoạn như sau:

##### *2.1.1.1. Giai đoạn từ khi thành lập đến năm 2006*

Trên cơ sở kết quả bước đầu của việc triển khai Đề án thí điểm trợ giúp pháp lý tại các địa phương, tại kỳ họp thứ 3 năm 1997 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã chỉ đạo định hướng: “Tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí”. Đây là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng của việc hình thành công tác trợ giúp pháp lý, tiếp tục khẳng định quyết tâm chính trị của Đảng trong việc bảo đảm quyền được tiếp cận pháp luật của người nghèo.

Ngày 06/9/1997, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 734/TTg về việc thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách. Đây là căn cứ pháp lý quan trọng đầu tiên quy định sự hình thành của hệ thống tổ chức trợ giúp pháp lý. Theo đó, hệ thống tổ chức trợ giúp pháp lý của Nhà nước bao gồm Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp và Trung tâm trợ giúp pháp lý trực thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Cục Trợ giúp pháp lý được thành lập vừa có

chức năng giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, vừa trực tiếp thực hiện trợ giúp pháp lý trong trường hợp cần thiết.

Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp được thành lập để trực tiếp thực hiện trợ giúp pháp lý. Như vậy, từ chủ trương ban đầu của Đảng về việc nghiên cứu tư vấn pháp luật miễn phí cho người nghèo khi tổ chức triển khai thực hiện đã được mở rộng thành trợ giúp pháp lý (bao gồm cả tư vấn pháp luật, đại diện, bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự trong tố tụng, đại diện ngoài tố tụng miễn phí) cho cả người nghèo và đối tượng chính sách.

Kết quả, triển khai thực hiện Quyết định số 734/TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Trung tâm trợ giúp pháp lý thuộc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được củng cố và kiện toàn. Ở Trung ương, bộ máy tổ chức của Cục Trợ giúp pháp lý cơ bản được kiện toàn với 06 đơn vị trực thuộc và một số cơ cấu giúp việc khác. Đến hết năm 2006, hệ thống trợ giúp pháp lý có 64 Trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước tại 64/64 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 902 Tổ, 115 Chi nhánh, 823 Câu lạc bộ, Điểm trợ giúp pháp lý ở cấp huyện, xã... Theo số liệu thống kê của Cục Trợ giúp pháp lý từ năm 1997 đến 2006, Cục Trợ giúp pháp lý và các Trung tâm trợ giúp pháp lý đã thực hiện khoảng hơn 980 nghìn vụ việc cho hơn 1 triệu lượt người.

Tuy nhiên, trước sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thì tổ chức và hoạt động về trợ giúp pháp lý đã bộc lộ nhiều bất cập, tồn tại như lực lượng chuyên viên pháp lý chuyên trách mới chỉ thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tư vấn pháp luật, kiến nghị mà chưa được tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho đối tượng được trợ giúp pháp lý, số lượng vụ việc tố tụng thực hiện còn ít, mới chỉ đáp ứng được một tỷ lệ rất nhỏ nhu cầu của người dân trong xã hội... Do đó, đặt ra yêu cầu là cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về công tác trợ giúp pháp lý, cần cơ chế pháp lý có hiệu lực cao để điều chỉnh toàn diện các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

#### *2.1.1.2. Giai đoạn từ năm 2006 đến trước khi đổi mới công tác trợ giúp pháp lý*

Ngày 29/6/2006, Quốc hội khoá XI kỳ họp thứ 9 đã thể chế hóa chính sách cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người nghèo của Đảng bằng một văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực cao là Luật Trợ giúp pháp lý. Đây là một bước đột phá lớn về mặt thể chế, nâng tầm từ 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ lên thành Luật mà không cần qua bước Nghị định, Pháp lệnh. Điều đó khẳng định sự nhìn nhận, đánh giá cao của Quốc hội đối với những kết quả của công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn trước.

*- Về thể chế trợ giúp pháp lý:*

Trên cơ sở Luật, Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình ban hành, liên tịch ban hành và ban hành hệ thống văn bản pháp luật hướng dẫn Luật từ Nghị định, Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định đến Quy chế, Điều lệ để bảo đảm Luật Trợ giúp pháp lý được kịp thời triển khai trong thực tiễn. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đã đề xuất sửa đổi, bổ sung vấn đề trợ giúp pháp lý trong một số văn bản pháp luật có liên quan theo hướng quy định rõ chức danh Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng; bổ sung quyền được trợ giúp pháp lý; mặt khác, trợ giúp pháp lý được quy định là một nội dung “giảm nghèo về pháp luật” trong tổng thể các chính sách về giảm nghèo của Đảng và Nhà nước... Ở địa phương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý như: Chỉ thị tăng cường công tác trợ giúp pháp lý, xác định các nhiệm vụ trọng tâm của công tác trợ giúp pháp lý, kế hoạch triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý; Đề án kiện toàn tổ chức, bộ máy của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước...

*- Về tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý:*

Sau 08 năm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý, đến năm hết 2014, toàn quốc có 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và 424 tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý. Tổng số công chức, viên chức và người lao động khác thuộc hệ thống trợ giúp pháp lý của Nhà nước là 1.313 người, trong đó có 572 Trợ giúp viên pháp lý... Ngoài ra còn có 424 tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý, 1.136 luật sư cộng tác viên và hơn 9 nghìn cộng tác viên khác thực hiện trợ giúp pháp lý.

*- Kết quả thực hiện công việc trợ giúp pháp lý:*

Theo kết quả tổng hợp báo cáo của các địa phương, sau 08 năm thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý (từ 01/01/2007 đến hết tháng 12/2014), các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trong cả nước đã thực hiện được hơn 920 nghìn vụ việc, trong đó có hơn 51 nghìn vụ việc tham gia tố tụng. Từ năm 2006 đến năm 2014, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều khóa bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, hàng năm tổ chức các lớp tập huấn văn bản mới, các kỹ năng trợ giúp pháp lý cho nhóm đối tượng đặc thù; công tác phối hợp trong hoạt động trợ giúp pháp lý có nhiều kết quả tích cực, việc truyền thông về trợ giúp pháp lý ngày càng được quan tâm...

Tuy nhiên, trước sự thay đổi bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước, sự phát triển của pháp luật nói chung và của dịch vụ pháp lý nói riêng, tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý trong giai đoạn này đã bộc lộ nhiều điểm bất cập như quy định người được trợ giúp pháp lý cũng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tiễn và tinh thần điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; hoạt động trợ giúp pháp lý với bản chất là giúp đỡ các đối



tượng yếu thế giải quyết các vụ việc cụ thể khi họ phải đối mặt với pháp luật bằng các hình thức tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng, tư vấn pháp luật tại trụ sở chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý nhiều lúc còn chưa được bảo đảm, chưa chuyên nghiệp. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý chưa đạt hiệu quả cao...

*2.1.1.3. Giai đoạn từ khi đổi mới công tác trợ giúp pháp lý (từ năm 2015, đặc biệt là từ khi triển khai Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 đến nay)*

Như đã nêu trên, thực tiễn triển khai công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn trước năm 2015 gặp một số khó khăn, bất cập. Do đó, cần có những biện pháp khắc phục những hạn chế, bất cập và những giải pháp mang tính đổi mới, nâng cao chất lượng trợ giúp pháp lý nhằm cung cấp dịch vụ pháp lý công thực sự có chất lượng cho các đối tượng thụ hưởng trợ giúp pháp lý. Ngày 01/6/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015 - 2025. Song song với việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) được nghiên cứu, xây dựng từ năm 2016 đến tháng 6/2017 và kết quả ngày 20/6/2017, Luật Trợ giúp pháp lý sửa đổi được Quốc hội tại kỳ họp thứ 3 khóa XIV đã thông qua với tỷ lệ phiếu rất cao (100% đại biểu tham gia bỏ phiếu tán thành). Đến nay, có thể kể đến một số kết quả cụ thể triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 như sau:

- *Về thể chế trợ giúp pháp lý:* Hệ thống văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý gồm Luật, Nghị định, Thông tư liên tịch và các Thông tư. Cùng với đó, nội dung về trợ giúp pháp lý cũng đã được quy định trong các Bộ luật, luật khác có liên quan như Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình... Mặt khác, các quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành cũng góp phần nội luật hóa ở mức độ cao các cam kết quốc tế (như Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị, Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật...). Đặc biệt, mới đây, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới", trong đó đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về trợ giúp pháp lý; TGPL đã được ghi nhận trong tất cả Chương trình mục tiêu quốc gia: về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025...

- Hệ thống trợ giúp pháp lý được kiện toàn và tăng cường năng lực; người thực hiện trợ giúp pháp lý ngày càng được nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp: Việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy, đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý được các Trung tâm

trợ giúp pháp lý nhà nước quan tâm thực hiện. Tính đến hết năm 2023, hệ thống trợ giúp pháp lý 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, 97 Chi nhánh, với tổng số 1228 viên chức, người lao động, trong đó có 676 trợ giúp viên pháp lý; có 180 tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; 675 cá nhân ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý. Đến nay, trợ giúp viên pháp lý đã trở thành đội ngũ nòng cốt cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người dân; số lượng vụ việc tham gia tố tụng của Trợ giúp viên pháp lý tăng hằng năm.

- Tập trung vào vụ việc trợ giúp pháp lý, đáp ứng ngày càng nhiều hơn, chất lượng hơn nhu cầu trợ giúp pháp lý: Trên cơ sở Luật Trợ giúp pháp lý 2017, các địa phương đã tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm của công tác TGPL là thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, nhất là vụ việc tham gia tố tụng. Từ 2018 đến 2023, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trên toàn quốc đã cung cấp khoảng 195 nghìn vụ việc, trong đó khoảng 106 nghìn vụ việc tham gia tố tụng. Hằng năm số lượng vụ việc tham gia tố tụng kết thúc tăng lên, cụ thể: năm 2018 là 11.860 vụ việc, năm 2019 là 13.428 vụ việc, năm 2020 là 16.168 vụ việc, năm 2021 là 20.868 vụ việc, năm 2022 là 21.276 vụ việc, năm 2023 là 25.506 vụ việc.

Với sự chỉ đạo, điều hành sát sao, kịp thời của cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý, công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện trợ giúp pháp lý, chất lượng, hiệu quả vụ việc trợ giúp pháp lý đã có chuyển biến rõ nét, ngày càng được nâng cao. Chất lượng, hiệu quả vụ việc được xác định căn cứ vào tiêu chí cụ thể. Qua báo cáo của các địa phương, hầu hết, các vụ việc trợ giúp pháp lý được đánh giá là đạt chất lượng trở lên, không có vụ việc nào bị khiếu kiện về chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý và nhiều vụ việc thành công, hiệu quả như: Người được trợ giúp pháp lý được tuyên không có tội hoặc được tuyên mức án nhẹ hơn hoặc chuyển tội danh hay thay đổi khung hình phạt thấp hơn so với mức đề nghị trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân...

- Công tác phối hợp trợ giúp pháp lý ngày càng chặt chẽ, hiệu quả: Trong thời gian gần đây việc phối hợp trợ giúp pháp lý nói chung, đặc biệt là phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng có nhiều chuyển biến tích cực. Để triển khai Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và quy định của các bộ luật, luật tố tụng liên quan, ngày 29/6/2018, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan ban hành chương trình phối hợp về trợ giúp pháp lý (Chương trình phối hợp số 1603/CTPH-BTP-TANDTC ngày 19/5/2022 giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao về người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại Tòa án,

Chương trình phối hợp số 5789/CTPH-BTP-BCA ngày 27/11/2023 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Công an về trực trợ giúp pháp lý trong điều tra hình sự, Quy chế số 4617/QCPH/BTP-LĐLS ngày 28/12/2016 phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Liên đoàn luật sư Việt Nam về hoạt động TGPL của luật sư...). Cùng với đó, để triển khai nội dung điểm cầu thành phần trong phiên tòa trực tuyến theo Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội khóa XV, đến nay một số địa phương đã lập dự toán kinh phí, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị; xây dựng điểm cầu thành phần và tham gia vào phiên tòa trực tuyến. Ngoài ra, để thực hiện quy định tại Thông tư số 03/2021/TT-BTP, nhiều địa phương (Sở Tư pháp/Trung tâm trợ giúp pháp lý) đã ban hành công văn, văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị phối hợp triển khai thực hiện trách nhiệm thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý.

Bên cạnh đó, nhằm lan tỏa quyền được trợ giúp pháp lý và các kết quả của công tác trợ giúp pháp lý trong thời gian qua, Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp và các địa phương đã đa dạng hóa các hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý như phát sóng thông điệp, tiêu phẩm về trợ giúp pháp lý trên Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV); phối hợp xây dựng, phát sóng phóng sự, phim diễn án trợ giúp pháp lý trên chuyên mục Quốc hội với cử tri, các kênh truyền hình (kênh VTV1, VTV2, VTV5, VTV8, Vnews, ...); tổ chức các đợt truyền thông điểm về trợ giúp pháp lý cho người dân, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng... Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trợ giúp pháp lý được tăng cường ở cả Trung ương và địa phương.

**Đánh giá chung:** Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng và nhiệm kỳ Chính phủ đến nay (giai đoạn 2021 - 2023), có thể thấy rằng việc triển khai thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đạt được nhiều kết quả tích cực và được Đảng, Nhà nước ghi nhận, đánh giá cao trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Thể chế về trợ giúp pháp lý tiếp tục được hoàn thiện, trong đó nổi bật là lần đầu tiên Nghị quyết của Đảng giao nhiệm vụ và đề ra giải pháp cho công tác trợ giúp pháp lý là nâng cao vai trò, chuyên nghiệp, chất lượng, xây dựng mạng lưới, hiện đại hóa hệ thống trợ giúp pháp lý; lần đầu tiên Bộ Tư pháp ban hành tiêu chí xác định vụ việc tham gia tố tụng thành công; lần đầu tiên quy định việc trợ giúp pháp lý tham gia phiên tòa trực tuyến và có Trợ giúp viên pháp lý hạng I. Công tác truyền thông trợ giúp pháp lý được thúc đẩy với nhiều phương thức khác nhau có nhiều Chương trình ấn tượng. Công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đạt nhiều kết quả nổi bật với việc ký kết 02 Chương trình phối hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại Tòa án và trực trợ giúp pháp lý trong điều tra hình sự trên phạm vi toàn quốc lần đầu tiên. Bên cạnh đó, lần đầu tiên nội dung trợ giúp pháp lý đã được triển khai đồng bộ trong tất cả Chương trình mục tiêu

quốc gia: về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 thể hiện vai trò tích cực trong an sinh và phát triển kinh tế xã hội. Hoạt động trợ giúp pháp lý đã đi vào nề nếp và tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của công tác trợ giúp pháp lý hơn, nhất là thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý. Số lượng và chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý ngày càng được nâng cao, thực sự là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

Thông qua các vụ việc trợ giúp pháp lý cho thấy đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý nói chung và trợ giúp viên pháp lý nói riêng ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong việc giúp người yếu thế tiếp cận công lý, góp phần quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, đối tượng chính sách và các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội qua đó góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

### ***2.1.2. Thực trạng các quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay***

#### ***2.1.2.1. Về chủ thể thực hiện TGPL***

Hiện nay, Việt Nam có các quy định pháp luật liên quan đến chủ thể trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em. Đó là:

- *Tổ chức trợ giúp pháp lý tại cấp quốc gia:* Chính phủ Việt Nam đã thành lập và phát triển Cục Trợ giúp pháp lý (Cục TGPL) thuộc Bộ Tư pháp. Cục TGPL có nhiệm vụ chủ yếu là tư vấn, hướng dẫn và giám sát hoạt động của các tổ chức trợ giúp pháp lý tại cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cục TGPL cũng đảm bảo việc xây dựng chính sách và pháp luật liên quan đến trợ giúp pháp lý.

- *Tổ chức trợ giúp pháp lý tại cấp tỉnh:* Các Sở Tư pháp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm triển khai chính sách và pháp luật của Nhà nước về trợ giúp pháp lý. Họ cũng tổ chức hoạt động trợ giúp pháp lý tại địa phương.

- *Tổ chức phi chính phủ:* Ngoài các tổ chức chính phủ, có nhiều tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em. Các tổ chức này nhận sự hỗ trợ từ chính phủ, tổ chức quốc tế và các tổ chức phi lợi nhuận. Một số tổ chức nổi tiếng bao gồm Viện Nghiên cứu Pháp lý và Chính sách Xã hội (IPSARD), Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Pháp luật (LARC), Quỹ Bảo vệ Trẻ em Việt Nam (CPV), và Quỹ Bảo vệ Phụ nữ và Trẻ em Việt Nam (FVNF). Các tổ chức này thường cung cấp trợ giúp pháp lý miễn phí và giáo dục pháp luật cho người nghèo và trẻ em.

- *Luật sư và Luật sư tư vấn miễn phí:* Các luật sư và các cơ quan luật sư đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em.

Nhiều luật sư và cơ quan luật sư đã tổ chức các chương trình tư vấn pháp lý miễn phí và hoạt động trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, việc trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em vẫn đang đối mặt với một số thách thức, bao gồm thiếu nguồn lực, hạn chế tài chính và khó khăn trong việc tiếp cận dịch vụ pháp lý. Chính phủ và các tổ chức liên quan đang nỗ lực để cải thiện thực trạng này.

#### *2.1.2.2. Về đối tượng được TGPL*

- *Người nghèo*: Theo đánh giá của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, so với chuẩn nghèo giai đoạn 2015-2020, tiêu chí về thu nhập sẽ tương ứng với chuẩn mức sống tối thiểu là 1,5 triệu đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn (hiện nay là 700.000 đồng/người/tháng, tăng 114,2%) và 2 triệu đồng/người/tháng ở khu vực thành thị (hiện nay là 900.000 đồng/người/tháng, tăng 122,2%). Báo cáo đánh giá tác động của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, với chuẩn nghèo mới thì cả nước sẽ có khoảng 16,6% hộ dân có thu nhập dưới chuẩn nghèo (gần 4,5 triệu hộ dân, tương ứng với trên 17 triệu người. Trong đó tỉ lệ hộ nghèo là 10,83% (bao gồm 2% hộ nghèo "kinh niên" thuộc đối tượng bảo trợ xã hội) và 5,77% là hộ cận nghèo. Kết quả Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2015 cho thấy, cả nước có 2.338.569 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,88% và 1.235.784 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,22%. Như vậy, so với chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2015 – 2020, việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều mới dự kiến sẽ tăng khoảng 1,1 triệu hộ (tính cả hộ nghèo, cận nghèo).

Đối với lĩnh vực trợ giúp pháp lý, với việc ghi nhận 03 nhóm đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý: Người thuộc hộ nghèo; Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo và nhóm đối tượng có khó khăn về tài chính (thuộc hộ cận nghèo) thì việc áp dụng chuẩn nghèo mới theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, dự báo từ năm 2022, lượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý sẽ tăng lên tương ứng với mức tăng hộ nghèo/cận nghèo theo dự báo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Điều này đòi hỏi các tổ chức trợ giúp pháp lý cần phải chuẩn bị tốt hơn các điều kiện cần thiết (cơ sở vật chất, kinh phí, con người...) để bảo đảm đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu trợ giúp pháp lý của người dân.

- *Trẻ em*: Như chúng ta đã biết, do đặc điểm về khả năng nhận thức, tâm sinh lý đặc thù trẻ em là đối tượng cần có sự quan tâm đặc biệt của xã hội về các mặt liên quan đến sự phát triển của trẻ em như: giáo dục, y tế, văn hóa, phòng chống bạo lực... Ở góc độ bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em trước pháp luật, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 quy định trẻ em là đối tượng được trợ giúp pháp lý (so với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 thì đã được mở rộng hơn). Luật Trợ giúp pháp lý 2017 quy định tất cả trẻ em đều là người được TGPL (mở rộng từ trẻ em không nơi nương tựa theo quy định của Luật

TGPL 2006). Ngoài ra, Luật TGPL 2017 đã bổ sung một số đối tượng so với Luật TGPL năm 2016 như: Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có khó khăn về tài chính là bị hại trong vụ án hình sự. Điều này đã thể hiện rõ nét chính sách nhân văn, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi nói chung và trẻ em nói riêng. Khi đáp ứng được đầy đủ, chất lượng nhu cầu TGPL của các diện người này sẽ góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

#### *2.1.2.3. Về lĩnh vực TGPL*

Theo quy định tại Điều 34, Nghị định số 07/2007/NĐ-CP lĩnh vực pháp luật mà người được TGPL được trợ giúp bao gồm: Pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự; Pháp luật dân sự, tố tụng dân sự và thi hành án dân sự; Pháp luật hôn nhân gia đình và pháp luật về trẻ em; Pháp luật hành chính, khiếu nại, tố cáo và tố tụng hành chính; Pháp luật đất đai, nhà ở, môi trường và bảo vệ người tiêu dùng; Pháp luật lao động, việc làm, bảo hiểm; Pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về chính sách ưu đãi xã hội khác; Các lĩnh vực pháp luật khác liên quan đến chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói, giảm nghèo hoặc liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Có thể thấy lĩnh vực TGPL cho người nghèo và trẻ em rất rộng, bao quát hầu hết các lĩnh vực pháp luật trừ lĩnh vực pháp luật về kinh doanh, thương mại (Căn cứ theo khoản 1 Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017).

#### *2.1.2.4. Về hình thức TGPL*

Khi có tranh chấp, vướng mắc về pháp luật, người được trợ giúp pháp lý có thể đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước/Chi nhánh hoặc các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật trong danh sách được công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp) để được cử người tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng hoặc đại diện ngoài tố tụng tùy theo yêu cầu, tính chất và nội dung vụ việc. Trong đó:

- Tư vấn pháp luật là hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc.

- Tham gia tố tụng là trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý và pháp luật về tố tụng.

- Đại diện ngoài tố tụng là Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay**

### **2.2.1. Về chủ thể thực hiện trợ giúp pháp lý**

#### *2.2.1.1. Về tổ chức thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em*

Hiện nay, ở Trung ương Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp hiện có các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước (Cục gồm Văn phòng Cục, Phòng Chính sách và Quản lý nghiệp vụ trợ giúp pháp lý, Phòng Tài chính và Quản lý chất lượng trợ giúp pháp lý) và đơn vị sự nghiệp (Trung tâm thông tin, dữ liệu Trợ giúp pháp lý).

Ở địa phương, triển khai thực hiện Luật TGPL, các Nghị định ban hành và Đề án quy hoạch mạng lưới Trung tâm và Chi nhánh của Thủ tướng Chính phủ, tính đến hết năm 2023, hệ thống trợ giúp pháp lý 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, 97 Chi nhánh, với tổng số 1228 viên chức, người lao động, trong đó có 676 trợ giúp viên pháp lý; có 180 tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý; 675 cá nhân ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý. Nhiều địa phương đã tiến hành thành lập các Chi nhánh ở địa bàn cấp huyện, thậm chí có địa phương thành lập Chi nhánh tại tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện (Lào Cai, Đồng Nai...). Đa số Trung tâm được cơ cấu tổ chức gồm có 02 Phòng: Nghiệp vụ và Hành chính - Tổng hợp, một số địa phương thành lập từ 03 - 04 phòng nghiệp vụ (Cần Thơ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Bắc Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Hải Phòng, Kiên Giang...). Thực hiện chủ trương xã hội hoá trong lĩnh vực TGPL, các địa phương đã làm tốt công tác vận động, khuyến khích các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp đăng ký tham gia TGPL. Phần lớn trong số các Trung tâm tư vấn pháp luật đăng ký tham gia thuộc hệ thống tổ chức Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh và Hội Luật gia Việt Nam. Ngoài ra, một số Văn phòng tư vấn pháp luật miễn phí của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Luật gia Việt Nam cũng đã và đang tích cực tham gia TGPL.

Như vậy, mặc dù TGPL còn là lĩnh vực mới ở nước ta, nhưng cho đến nay hệ thống tổ chức, bộ máy TGPL của Nhà nước đã được hình thành tương đối hoàn chỉnh trong phạm vi toàn quốc. Đã có sự tham gia bước đầu của luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật miễn phí không chỉ tạo thêm địa chỉ để người được TGPL có thể lựa chọn tiếp cận và sử dụng mà còn tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh giữa các tổ chức TGPL của Nhà nước với các tổ chức này để nâng cao chất lượng dịch vụ và tạo thành kênh đồng bộ có sự tham gia của Nhà nước và của xã hội trong hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em. Hệ thống tổ chức TGPL ở Việt Nam đã trưởng thành nhanh chóng, thể hiện một thiết chế hữu hiệu gắn dịch vụ pháp lý miễn phí với quyền và lợi ích của người nghèo và trẻ

em. Một số tổ chức TGPL chưa có tài khoản riêng, trụ sở làm việc chật hẹp, địa điểm tiếp người được TGPL chưa được thuận tiện, nguồn nhân lực của một số Trung tâm còn thiếu, do đó hiệu quả hoạt động nhiều nơi còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu TGPL của người dân, nhiều tổ chức thực hiện TGPL chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội. Sự tham gia TGPL của các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp vẫn còn mỏng và hạn chế.

#### *2.2.1.2. Về đội ngũ cán bộ, cộng tác viên thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em*

Hiện nay, đội ngũ cán bộ của Cục TGPL thuộc Bộ Tư pháp hiện có 39 công chức, viên chức gồm: Cục trưởng, 03 Phó Cục trưởng, 08 cán bộ lãnh đạo cấp phòng và các công chức, viên chức.

Về đội ngũ cán bộ làm công tác TGPL của Trung tâm hiện nay đã được quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, bổ sung thêm biên chế, vì thế, số lượng cán bộ làm công tác TGPL đã tăng lên đáng kể. Tính đến 31/10/2023, cả nước có 55 Giám đốc Trung tâm, số lượng Chi nhánh là 97 Chi nhánh, giảm 02 Chi nhánh so với năm 2022 (tính đến ngày 31/10/2022, toàn quốc có 99 Chi nhánh). Hiện nay, hầu hết các Chi nhánh đều hoạt động thực chất, thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, thực hiện vụ việc và phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có liên quan tại địa bàn trong quá trình thực hiện vụ việc TGPL.

Bên cạnh việc sắp xếp, kiện toàn bộ máy, các Trung tâm luôn tích cực thực hiện công tác kiện toàn đội ngũ người thực hiện TGPL, theo đó tổng số biên chế được giao của các Trung tâm tính đến thời điểm 31/10/2023 là 1.354 người, trong đó biên chế hiện có là 1.228 người, 676 trợ giúp viên pháp lý (chiếm 55.04% trong tổng biên chế hiện có, tăng 8 trợ giúp viên pháp lý so với năm 2022), 643 luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL (tăng 36 luật sư so với năm 2022 và 32 Cộng tác viên thực hiện TGPL (giảm 6 cộng tác viên so với năm 2022). Số lượng Trợ giúp viên pháp lý và số luật sư ký hợp đồng thực hiện TGPL tăng sẽ góp phần nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cộng tác viên TGPL cho Trung tâm TGPL nhà nước từ khi được thành lập đến nay đã từng bước củng cố và tăng cường theo thời gian. Xác định năng lực là vấn đề mấu chốt bảo đảm chất lượng TGPL nên hàng năm Bộ Tư pháp đều tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng TGPL cho đội ngũ chuyên viên pháp lý và cộng tác viên TGPL, nâng cao năng lực cho cộng tác viên để phục vụ kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ của công tác TGPL và nhu cầu TGPL của người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác ở Việt Nam hiện nay.



Tuy nhiên, hiện nay một số địa phương đội ngũ trợ giúp viên pháp lý phát triển chậm, chưa có đủ số lượng cần thiết, năng lực, trình độ của đội ngũ người thực hiện TGPL chưa cao để tạo được uy tín cũng như làm nên "thương hiệu" TGPL. Nhiều trợ giúp viên pháp lý còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm, bên cạnh đó còn bị chi phối bởi các công việc hành chính khác nên phần lớn trong số họ không thể dành nhiều thời gian để tham gia giải quyết vụ việc TGPL.

### **2.2.2. Về kết quả thực hiện pháp luật trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em**

#### **2.2.2.1. Về kết quả thực hiện các vụ việc TGPL cho người nghèo và trẻ em**

Trải qua thời gian kể từ khi Luật TGPL năm 2017 có hiệu lực đến nay, trong năm 2022, số lượng các vụ việc tăng so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể: số vụ việc thụ lý mới là 25.043 vụ việc (tăng 16%); số vụ việc thực hiện là 38.030 vụ việc (tăng 18%), trong đó số vụ việc tham gia tố tụng thực hiện là 32.081 vụ việc (tăng 16%); số vụ việc kết thúc là 22.453 vụ việc (tăng 22%), trong đó có 16.886 vụ việc tham gia tố tụng kết thúc (tăng 19%). Chất lượng vụ việc TGPL ngày càng được nâng lên, đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng. Nhiều vụ việc tham gia tố tụng được đánh giá là thành công theo tiêu chí được quy định tại Quyết định số 1179/QĐ-BTP ngày 16/5/2022 của Bộ Tư pháp (7.417 vụ việc), có nhiều vụ án được tuyên mức án nhẹ hơn hoặc chuyển tội danh hay thay đổi khung hình phạt thấp hơn so với mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân. Tỷ lệ vụ việc thành công ngày càng tăng, chiếm 37% tổng số vụ việc tham gia tố tụng, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 có 6.057 vụ việc thành công).

Với đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý như trên, hoạt động trợ giúp pháp lý ngày càng hiệu quả, chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu trợ giúp pháp lý của người dân. Theo kết quả tổng hợp báo cáo công tác trợ giúp pháp lý trong toàn quốc, từ năm 1997 đến hết tháng 6/2022, đã có hơn 2,3 triệu lượt người được trợ giúp pháp lý. Riêng từ năm 2018 đến tháng 6/2022, triển khai Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý trên toàn quốc đã tập trung thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, đặc biệt là các vụ việc tham gia tố tụng. Kết quả, thực hiện được 146.149 vụ việc trợ giúp pháp lý cho người nghèo, trẻ em, người có công với cách mạng... và các nhóm người được trợ giúp pháp lý khác. Trong đó có 67.107 vụ việc tham gia tố tụng, chiếm 45,91%; số lượng vụ việc tham gia tố tụng đã hoàn thành, kết thúc tăng hằng năm. Đặc biệt, trong thời gian bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, hệ thống trợ giúp pháp lý đã nỗ lực, chủ động trong tiếp cận vụ việc và triển khai các hoạt động hướng tới mục tiêu cốt lõi là thực hiện vụ việc với chất lượng tốt nhất, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người được trợ giúp pháp lý.

Trong 04 năm thực hiện Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, tính đến hết năm 2021 trên toàn quốc đã thực hiện thực hiện được 11.910 vụ việc TGPL cho 11.910 lượt người

được trợ giúp pháp lý là trẻ em chiếm 8,81% tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý. Số vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng tăng lên hàng năm, chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số vụ việc TGPL cho nhóm đối tượng này (63,82 % vụ việc tham gia tố tụng).

#### *2.2.2.3. Về kết quả vụ việc TPGL theo hình thức thực hiện TGPL cho người nghèo và trẻ em*

Về kết quả vụ việc TGPL theo hình thức thực hiện TGPL cho người nghèo đạt được một số kết quả khá tích cực. Qua các năm tính từ 2017 đến nay, số lượng người được hưởng dịch vụ TGPL gia tăng từ hơn 200.000 người lên hơn 500.000 người mỗi năm. Tuy vậy, con số này vẫn chưa bao phủ đủ nhu cầu thực tế, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa.

Trong thời gian qua, từ năm 2018 đến hết năm 2023, các địa phương đã triển khai hiệu quả việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho trẻ em thông qua các vụ việc cụ thể và đạt được những kết quả đáng khích lệ như sau:

Thông kê từ Cục Trợ giúp pháp lý, trong 06 năm từ năm 2018 - 2023, các tổ chức thực hiện TGPL đã cung cấp dịch vụ TGPL cho hơn 20 nghìn lượt trẻ em, trong đó khoảng 14 nghìn vụ việc tham gia tố tụng. Qua theo dõi cho thấy số lượng vụ việc TGPL cho trẻ em ngày càng tăng lên, nhất là các vụ việc tham gia tố tụng, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số lượt người được TGPL. Người thực hiện TGPL cho trẻ em thường là những người có kinh nghiệm, chuyên môn và am hiểu tâm lý trẻ. Bên cạnh đó, thời gian gần đây, các Trung tâm TGPL tích cực theo dõi các thông tin liên quan đến TGPL cho trẻ em nhất là trong các vụ việc mà trẻ em và kịp thời thực hiện TGPL cho các em theo quy định.

Về chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em, có thể thấy các vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em (bao gồm trẻ em khuyết tật, trẻ em bị bạo lực...) đều được đánh giá đạt chất lượng khá và tốt, bên cạnh đó còn có nhiều vụ việc hiệu thành công, hiệu quả. Nhiều quan điểm, lập luận bào chữa, bảo vệ của người thực hiện TGPL được Công an, viện kiểm sát, tòa án ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ việc. Từ những kết quả đó đã bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các em trong các vụ việc một cách tốt nhất và bảo đảm tính kịp thời.

Tuy nhiên, trên thực tế tư vấn pháp luật là hình thức TGPL phổ biến, chiếm tỷ lệ chủ yếu được áp dụng thường xuyên ở tất cả các tổ chức thực hiện TGPL, các vụ việc tư vấn pháp luật thông qua hình thức tư vấn miệng, tư vấn qua điện thoại, tư vấn bằng văn bản, tư vấn tại các câu lạc bộ TGPL, các buổi TGPL lưu động. Còn tham gia tố tụng để đại diện, bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho người nghèo và các đối tượng chính sách

khác là bị can, bị cáo, bị hại, nguyên đơn, bị đơn trong các vụ án hình sự, dân sự, hành chính số lượng vụ việc theo hình thức tham gia tố tụng chưa nhiều và hạn chế. Mặc dù tham gia tố tụng là một hình thức TGPL quan trọng nhưng do thiếu cơ chế về nguồn lực nên số lượng vụ việc TGPL bằng hình thức này không nhiều và chủ yếu do các cộng tác viên là luật sư thực hiện. Nếu so sánh số lượng vụ việc TGPL bằng hình thức tham gia tố tụng với tổng số vụ án giải quyết hàng năm của các cơ quan tiến hành tố tụng cho thấy, tỷ lệ đó là rất khiêm tốn, không muốn nói là không đáng kể. Số vụ việc tham gia tố tụng là rất thấp, nhưng xét về chất lượng cũng còn nhiều vấn đề phải bàn, nhiều vụ việc đại diện, bào chữa do luật sư thực hiện cho thấy hiệu quả tranh tụng chưa cao.

#### *2.2.2.4. Về chất lượng vụ việc TGPL cho người nghèo và trẻ em*

Để bảo đảm cho người được TGPL được thụ hưởng dịch vụ pháp lý với chất lượng tốt nhất, công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc TGPL ngày càng được chú trọng. Qua theo dõi, kiểm tra và báo cáo của các địa phương, hầu hết các vụ việc trợ giúp pháp lý, trong đó có vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em được thực hiện được đánh giá đạt chất lượng khá và tốt. Nhiều vụ việc được đánh giá là vụ việc thành công, hiệu quả. Nhìn chung, các vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em luôn được các địa phương quan tâm, ưu tiên phân công kịp thời các Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có chuyên môn và kinh nghiệm thực tế, am hiểu tâm lý trẻ em thực hiện. Các vụ việc trợ giúp pháp lý này đã kịp thời giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em theo quy định của pháp luật. Thực tế cho thấy, đến nay chưa có vụ việc nào bị khiếu nại, tố cáo hoặc vụ việc nào yêu cầu Trung tâm phải bồi thường do TGPL sai, gây thiệt hại cho người được TGPL. Theo báo cáo của 63/63 Trung tâm TGPL, các tổ chức thực hiện TGPL đã thực hiện tương đối nghiêm túc các quy định của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc TGPL.

Tuy nhiên, việc tổ chức đánh giá chất lượng vụ việc TGPL mới chỉ ở bước đầu, một số tiêu chí còn cao hơn thực tiễn, chưa phù hợp với khả năng có thể đảm bảo. Cơ quan quản lý về TGPL chưa nắm sát sao vụ việc, người thực hiện vụ việc. Việc đánh giá chất lượng vụ việc không do những người có chuyên môn kinh nghiệm nghề nghiệp thực tiễn dày dặn thực hiện do đó việc đánh giá chưa khách quan, hiệu quả và không đạt chất lượng mong muốn. Chính vì vậy mà quyền lợi hợp pháp của người được TGPL vẫn chưa được bảo đảm tốt nhất, đôi khi còn bị hướng dẫn sai, ảnh hưởng đến uy tín của toàn hệ thống TGPL. Có thể nói, việc đánh giá chất lượng hiện nay rất hình thức và không thực chất.

### ***2.2.3. Về công tác phối hợp để tổ chức thực hiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em***

Sở Tư pháp đã phát huy vai trò là cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tổ tụng tại địa phương xây dựng Kế hoạch hoạt động của Hội đồng; xây dựng kế hoạch kiểm tra và tổ chức kiểm tra tại địa bàn cấp huyện. Có thể khẳng định công tác phối hợp giữa Trung tâm với các cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng về TGPL ngày càng chặt chẽ và đạt hiệu quả. Theo báo cáo số liệu thống kê cho thấy, hiện nay việc lắp đặt, kiểm tra, thay thế Bảng thông tin về TGPL, Tờ thông tin về TGPL, Hộp tin TGPL, tờ gấp pháp luật tại trụ sở các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở cấp tỉnh, cấp huyện, cơ sở giam giữ và trại giam được thực hiện đồng bộ ở tất cả các địa phương trong cả nước. Ngoài ra, để kịp thời trong việc tiếp nhận thông tin vụ việc TGPL, thông tin của người được TGPL từ các cơ quan tiến hành tố tụng, Trung tâm cung cấp danh sách, số điện thoại của Trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng với Trung tâm và người thực hiện TGPL khác cho các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp tỉnh, cấp huyện, cơ sở giam giữ và trại giam khi phát hiện các vụ việc có đối tượng TGPL thì cơ quan tiến hành tố tụng liên hệ với Trung tâm để thực hiện TGPL kịp thời. Danh sách tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL cũng được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của địa phương và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để người dân có thể liên lạc, lựa chọn tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL có uy tín khi có nhu cầu được TGPL.

Đa số các cơ quan tiến hành tố tụng đã nghiêm túc thực hiện việc giải thích, thông báo, thông tin về TGPL theo quy định. Khi phát hiện có người thuộc diện TGPL đã thông báo cho Trung tâm để Trung tâm xác minh nếu đúng diện người được TGPL thì cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư ký kết hợp đồng với Trung tâm tham gia bào chữa hoặc đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL.

Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL trong hoạt động tổ tụng ở địa phương đều xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác phối hợp tại địa phương và thực hiện việc kiểm tra trực tiếp tại các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ, trại giam ở địa phương theo đúng tiến độ đề ra. Trên cơ sở đó, Hội đồng phối hợp liên ngành về TGPL địa phương kịp thời nắm bắt công tác phối hợp, giải đáp vướng mắc trong quá trình triển khai phối hợp.

Trong năm 2022, tổng số người bị buộc tội, người bị hại, đương sự trong vụ án, vụ việc do các cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý tiếp nhận là 476.178 người, trong đó người thuộc diện được TGPL là 34.071 người (chiếm 7,1%) và tổng số lượt người được TGPL (người có yêu cầu TGPL) là 13.025 người (chiếm 2,7%). Cụ thể:

+ Cơ quan công an thụ lý tiếp nhận là 132.784 người, trong đó người thuộc diện được TGPL là 12.981 người và tổng số lượt người được TGPL là 10.977 người.

+ Viện kiểm sát nhân dân thụ lý tiếp nhận là 140.482 người, trong đó người thuộc diện được TGPL là 3.951 người và tổng số lượt người được TGPL là 789 người.

+ Tòa án nhân dân thụ lý tiếp nhận là 346.558 người, trong đó người thuộc diện được TGPL là 107.202 người và tổng số lượt người được TGPL là 3.450 người.

- Việc thực hiện Chương trình phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao về người thực hiện TGPL trực tại Tòa án

Tính đến ngày 26/12/2022, có 39 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp về người thực hiện TGPL trực tại Tòa án hoặc ký kết Chương trình giữa Sở Tư pháp và Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ở một số địa phương, trụ sở Tòa án nhân dân chưa bảo đảm về cơ sở vật chất để bố trí người thực hiện TGPL trực tại Tòa hoặc Trung tâm chưa có đủ nguồn nhân lực để bố trí trực thì Tòa án thông báo cho Trung tâm các thông tin về người thuộc diện TGPL qua điện thoại. Việc trực tại trụ sở Tòa án được một số địa phương triển khai có hiệu quả.

Một số Sở Tư pháp địa phương đã chủ động ký kết Quy chế phối hợp với Công an tỉnh ban hành Chương trình/quy chế trực kết nối trong tố tụng hình sự (Quảng Trị, Bạc Liêu, Cần Thơ, Ninh Thuận, Tuyên Quang...).

- Việc chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP, ngày 15/12/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến (Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP) và Công văn số 546/BTP-TGPL ngày 25/02/2022

Thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP, Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện TGPL của Trung tâm cũng như người bị hại, đương sự là người được TGPL thuận lợi hơn trong việc tham gia phiên tòa trực tuyến, kịp thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Để triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP, Bộ Tư pháp đã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm tham gia tổ chức phiên tòa trực tuyến. Đến nay đã có 41 tỉnh lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính, 22 Trung tâm tham gia phiên tòa xét xử trực tuyến, 11 tỉnh có phòng họp riêng (Cao Bằng, Thái Nguyên, Hà Nam, Tiền Giang, Tuyên Quang, Cà Mau, Nam Định, Hải Dương, Trà Vinh, Bình Thuận, Hoà Bình) và có 2 tỉnh được trang bị cơ sở thiết bị tham gia phiên tòa trực tuyến (Hà Nam, Thái Nguyên).

Bên cạnh hoạt động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng được đẩy mạnh, công tác phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh cũng được các Trung tâm triển khai hiệu quả. Các Trung tâm đã phối hợp với Đoàn luật sư ở địa phương, các tổ chức như Hội Luật gia; Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc... để thực hiện truyền thông về TGPL hoặc giới thiệu hội viên đến Trung tâm.

#### ***2.2.4. Về công tác truyền thông, phổ biến về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em***

##### ***2.2.4.1. Thuận lợi***

Công tác truyền thông về TGPL những năm qua đã được hết sức coi trọng để tăng thêm sự hiểu biết, tiếp cận của người dân trong hoạt động này. Ở Trung ương, Cục TGPL thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, định hướng các Trung tâm TGPL nhà nước trong việc truyền thông về TGPL với đa dạng hình thức, phù hợp với từng địa hình, đối tượng được TGPL khác nhau. Các địa phương cũng chủ động, tích cực đẩy mạnh truyền thông bằng những cách làm khác nhau như qua in ấn, cấp phát tờ gấp, tài liệu về TGPL; qua các bảng tin về TGPL; qua niêm yết công khai tại UBND cấp xã, tại nhà tạm giam, tạm giữ; các tổ chức của người khuyết tật, các cơ sở bảo trợ xã hội; qua các đợt TGPL tại cơ sở... qua đó, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL, việc, vụ việc TGPL ngày càng gia tăng về chất và lượng.

##### ***2.2.4.2. Khó khăn***

Mặc dù đã có nhiều đổi mới trong việc truyền thông về TGPL nhưng có thể thấy sự chủ động tiếp cận các đối tượng được TGPL vẫn còn hạn chế nên nhiều người dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa chưa biết hoặc khó tiếp cận với TGPL. Việc phối hợp trong thực hiện truyền thông về TGPL vẫn chưa được quan tâm đầy đủ, đúng mức. Nhận thức về TGPL của một số cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó có cả các cơ quan truyền thông chưa đầy đủ, do đó, chưa thực sự quan tâm đến việc phối hợp với cơ quan TGPL nhà nước thực hiện truyền thông về quyền TGPL đến với người dân. Nhận thức về công tác TGPL của người thuộc diện được TGPL chưa cao nên việc giải thích, hướng dẫn họ thực hiện quyền được TGPL còn gặp nhiều khó khăn. Một số địa phương, cơ quan tiến hành tố tụng, tổ chức xã hội chưa chủ động trong việc hỗ trợ, thông tin, phối hợp với trung tâm và người thực hiện TGPL. Ngoài ra, diện người được TGPL đã được mở rộng, nhu cầu được TGPL ngày càng nhiều, song số lượng trợ giúp viên pháp lý và nguồn bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý còn ít nên việc triển khai công tác TGPL còn gặp nhiều khó khăn.

Hoạt động truyền thông về TGPL đôi lúc chưa được thực hiện đúng trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng dẫn đến mục đích và hiệu quả đạt được chưa cao. Nội dung truyền thông có chỗ còn chưa phù hợp với các đối tượng đặc thù và địa bàn sinh sống

của người dân. Việc truyền thông mới chỉ dừng lại ở phản ánh sự kiện, giới thiệu các quan điểm, chủ trương, thiếu những bài viết, câu chuyện sâu sắc về công tác TGPL, về những vụ việc điển hình, đặc biệt thông qua các hình thức kịch, tiểu phẩm hay hoặc trên những trang báo, trang thông tin điện tử lớn. Công tác truyền thông có lúc chưa phản ánh đầy đủ, sinh động thực tế công tác TGPL nên chưa thu hút sự quan tâm của xã hội, người dân về công tác này.

## **2.3. Đánh giá chung về thực trạng pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay**

### **2.3.1. Kết quả đạt được**

Trên phương diện chung nhất, có thể khẳng định, điều chỉnh pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam thời gian qua đã đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

*Thứ nhất*, đã hình thành hệ thống pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em theo hướng xác định Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm; phát triển mô hình TGPL hỗn hợp có thành phần TGPL của Nhà nước, TGPL của luật sư và sự tham gia của tổ chức xã hội; hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em được thực hiện hoàn toàn miễn phí, người được TGPL không phải chi trả bất cứ một khoản nào cho việc sử dụng các dịch vụ TGPL do Nhà nước cung ứng, kể cả chi phí hành chính cho hồ sơ, tài liệu. Trải qua thời gian hình thành, hệ thống TGPL đã phát triển nhanh chóng về mặt tổ chức. Từ chỗ chỉ có một vài trung tâm TGPL nhà nước, đến nay, hệ thống TGPL đã được xây dựng ở cả 63 tỉnh thành, với tổ chức đa dạng gồm các trung tâm TGPL nhà nước, các văn phòng luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật. Hiện nay, mạng lưới tổ chức TGPL được củng cố, kiện toàn, không ngừng được mở rộng trong phạm vi toàn quốc và hoạt động ổn định có hiệu quả để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ tiếp cận.

*Thứ hai*, đã thiết lập chế định chủ thể thực hiện TGPL cho người nghèo và trẻ em theo hướng từng bước chuyên môn hoá, tiêu chuẩn hoá, đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ. Đồng thời, đã tạo lập cơ chế để huy động lực lượng xã hội làm cộng tác viên của các Trung tâm TGPL nhà nước. Đã hình thành cơ chế Quỹ TGPL tạo nguồn lực tài chính bảo đảm cho hoạt động TGPL của Nhà nước được tiến hành ổn định, thường xuyên, liên tục và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động TGPL trong phạm vi toàn quốc.

*Thứ ba*, đã định hướng hình thành các quan hệ xã hội giữa các tổ chức TGPL với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động TGPL cũng như xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện và phối hợp thực

hiện TGPL. Quan hệ đối ngoại trong TGPL đã được thiết lập, nhận được sự ủng hộ của nhiều tổ chức, cá nhân quốc tế và nước ngoài.

*Thứ tư*, các hoạt động TGPL, quy trình, trình tự thủ tục TGPL được chuẩn hoá để hướng đến mục tiêu cao nhất là bảo đảm quyền được TGPL của người nghèo và trẻ em, qua đó hỗ trợ, giúp đỡ, hướng dẫn họ tự mình hoặc có thể nhờ người khác bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp khỏi sự xâm hại của các chủ thể khác, từng bước nâng cao ý thức pháp luật, góp phần tổ chức thực hiện pháp luật, hạn chế, phòng ngừa các vi phạm pháp luật, qua đó giữ gìn trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển gắn với giải quyết thoả đáng các vấn đề xã hội, giữ đoàn kết cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tóm lại, có thể thấy hoạt động TGPL đã khẳng định được vị trí, vai trò của mình trong việc giúp đỡ pháp lý cho đông đảo người nghèo, trẻ em và một số đối tượng khác, làm tăng lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Hoạt động TGPL đã góp phần hỗ trợ hoạt động tư pháp để vụ việc được xét xử chính xác, khách quan, công bằng và đúng pháp luật; trong nhiều trường hợp đã giúp các cơ quan Nhà nước xem xét lại những bất cập trong giải quyết vụ việc của dân, từ đó có những tác động tích cực đến đời sống pháp luật của xã hội, góp phần làm cho vai trò của pháp luật được phát huy, thực sự là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giảm bớt khiếu kiện không cần thiết, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cải cách hành chính, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đạt được những kết quả trên là do có sự quan tâm của Quốc hội, sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, cùng với Ngành Tư pháp còn có sự tham gia, phối hợp của các Bộ, ngành, tổ chức đoàn thể Trung ương và cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, chuyên gia, luật gia, luật sunhững người hoạt động trong lĩnh vực pháp luật, tư pháp.

### **2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế**

#### **2.3.2.1. Những hạn chế, bất cập**

Bên cạnh những kết quả đạt được trong những năm qua, công tác TGPL vẫn còn có những tồn tại, hạn chế, cụ thể:

##### **- Về thực hiện TGPL:**

Hoạt động thực hiện vụ việc TGPL cho nhóm đối tượng đặc thù tại một số địa phương nhiều người dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp bởi số lượng người thực hiện TGPL biết tiếng dân tộc thiểu số không nhiều (Điện Biên, Yên Bái, Sơn La). Mặc dù được đội ngũ người thực hiện TGPL tích cực thông tin, giới thiệu về hoạt động TGPL nhưng số lượng người thuộc diện được TGPL tìm đến trụ sở Trung



tâm còn chưa nhiều, bởi người thuộc diện được TGPL là người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng sâu vùng xa nên gặp khó khăn trong việc di chuyển.

*- Về đội ngũ người thực hiện TGPL:*

Số lượng viên chức Trung tâm còn mỏng so với yêu cầu công việc, dẫn đến có một số ít nhiệm vụ thực hiện còn chậm so với yêu cầu; Trình độ, năng lực đội ngũ trợ giúp viên pháp lý không đồng đều, một số trợ giúp viên pháp lý mới bổ nhiệm còn thiếu kỹ năng, kinh nghiệm tham gia tố tụng.

*- Về công tác phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức khác trên địa phương:*

Vẫn còn một số cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện thông tin, thông báo vụ việc có người thuộc diện được TGPL về Trung tâm TGPL hoặc có thông tin, thông báo nhưng số lượng vụ việc còn hạn chế, chưa đầy đủ so với số lượng vụ việc có người thuộc diện được TGPL thực tế. Một số trường hợp người tiến hành tố tụng giải thích chưa đầy đủ quyền của người được trợ giúp pháp lý; còn chậm trễ hoặc không thực hiện chuyển phát các thông báo, văn bản tiến hành tố tụng, Bản kết luận điều tra, Cáo trạng, lịch xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án cho người thực hiện TGPL..

*- Về công tác thông tin, giới thiệu về TGPL:*

Tại một số địa phương (Bạc Liêu, Bình Phước, Cà Mau, Cao Bằng, Đắk Nông, Gia Lai, Hoà Bình, Lạng Sơn), hoạt động giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm của Phòng Tư pháp và UBND cấp xã vẫn chưa thường xuyên, các trường hợp thuộc diện TGPL do UBND xã giới thiệu đến Trung tâm chưa nhiều hoặc không có.

*- Về phần mềm quản lý TGPL:*

Trong quá trình cập nhật các vụ việc TGPL lên Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động TGPL vẫn còn tình trạng hệ thống bị lỗi, gây ảnh hưởng đến việc cập nhật hồ sơ và trích xuất dữ liệu. Việc cập nhật quá trình thực hiện các vụ việc TGPL và các file đính kèm lên phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý tốn nhiều thời gian, đối với tỉnh có nhiều vụ việc TGPL, số lượng trợ giúp viên pháp lý ít không đáp ứng được thời gian cập nhật và nghiên cứu nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Đường truyền có lúc không ổn định và hệ thống máy móc tại còn thiếu thốn. Các luật sư có tuổi thường lúng túng trong thao tác cập nhật vụ việc.

*- Về kinh phí, cơ sở vật chất:*

Nguồn kinh phí cấp cho công tác TGPL còn hạn chế nên vẫn còn gặp khó khăn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, chưa đảm bảo để Trung tâm triển khai toàn diện các mặt công tác, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu TGPL của người dân ngày càng tăng; kinh phí truyền thông không đủ truyền thông đến nhiều xã,... Bên cạnh những địa phương được cấp kinh phí thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia (Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Kạn, Quảng Trị, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc) thì vẫn còn một số địa phương không được cấp kinh phí hoặc còn thấp nên việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện chủ yếu là lồng ghép trong các hoạt động chung của đơn vị.

Vấn đề về cơ sở vật chất mặc dù được cấp có thẩm quyền quan tâm trang bị các công cụ thiết yếu nhưng do hạn chế về kinh phí nên chưa có các thiết bị phục vụ cho các hoạt động chuyên môn (máy chiếu, máy ghi âm, máy ảnh, máy scan...) hoặc đã cũ. Các trang thiết bị, phương tiện làm việc được trang lâu năm nên đã xuống cấp, thường xuyên hư hỏng, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng công việc. Một số trụ sở làm việc của Chi nhánh tại một số Trung tâm như Bình Định, Điện Biên, Đồng Tháp, Quảng Nam, Thanh Hoá chung trụ sở với các phòng, ban của huyện, thị xã nên không được ổn định, gây ảnh hưởng đến việc hoạt động tiếp công dân và việc thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý tại địa bàn.

#### *2.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập*

*Thứ nhất*, kinh phí dành cho hoạt động TGPL còn chưa bảo đảm. Nhiều Trung tâm TGPL nhà nước chưa được bố trí trụ sở thuận tiện với người dân, chưa có xe ô tô, chưa có trụ sở riêng hoặc có trụ sở riêng nhưng chật chội, không đủ phòng làm việc, phương tiện làm việc, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế. Một số tỉnh ngân sách còn hạn chế nên việc bố trí kinh phí cho hoạt động TGPL chưa bảo đảm để Trung tâm TGPL triển khai toàn diện các mặt công tác (tập huấn về công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người thực hiện TGPL, chưa có điều kiện mở các lớp tập huấn chuyên sâu, chi trả thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc TGPL...).

*Thứ hai*, quy định về thẩm quyền, tiêu chí đánh giá chất lượng vụ việc TGPL có sự thay đổi, tiêu chí vụ việc TGPL tố tụng thành công, hiệu quả đã được nghiên cứu để áp dụng, đây là hướng dẫn mới nên công tác đánh giá chất lượng, hiệu quả vụ việc chưa triển khai được thường xuyên, cần có thời gian để tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện.

*Thứ ba*, xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội, vị trí địa lý của nhiều địa phương, trình độ dân trí và hiểu biết pháp luật của người dân còn hạn chế, chưa có thói quen sử dụng các dịch vụ pháp lý khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật nên một bộ phận không nhỏ nhân dân đặc biệt là nhóm người nghèo, người dân tộc thiểu số chưa biết đến

quyền được TGPL của mình hoặc còn nhầm lẫn việc trợ giúp pháp lý với việc thuê luật sư bào chữa, bảo vệ nên e ngại, sợ phải chi trả kinh phí cao dẫn đến từ chối quyền được trợ giúp pháp lý.

*Thứ tư*, hoạt động TGPL là hoạt động mang tính chất đặc thù, đối tượng TGPL chủ yếu tập trung tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số là những vùng khó tiếp cận nhất do gặp rào cản về địa lý, ngôn ngữ.

*Thứ năm*, nhiều địa phương bị ảnh hưởng bởi việc tinh giản biên chế viên chức, nguồn lực còn chưa đáp ứng nhu cầu TGPL của người dân. Mặt khác, nhiều Trợ giúp viên pháp lý còn trẻ về tuổi đời, tuổi nghề, do vậy cần tiếp tục bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng hoạt động.

*Thứ sáu*, một số cơ quan tiến hành tổ tụng tại một số địa phương chưa quan tâm đầy đủ, chưa nhận thức hết ý nghĩa và tầm quan trọng của chính sách TGPL của Nhà nước nên chưa phối hợp tốt trong hoạt động tổ tụng.

*Thứ bảy*, chính quyền cấp xã chưa thực sự chú trọng, quan tâm công tác TGPL, khối lượng công việc của cấp chính quyền cơ sở khá lớn; quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBND cấp xã cũng như đội ngũ cán bộ cấp xã còn chưa được hướng dẫn cụ thể về cách thức thông tin, giới thiệu người được TGPL đến Trung tâm nên việc thực hiện trách nhiệm thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý tại một số địa phương chưa được sát sao, triển khai kịp thời.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Trong Chương 2, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng pháp luật TGPL thông qua việc phân tích lịch sử hình thành, phát triển của hệ thống pháp luật về TGPL; thực trạng các quy định pháp luật về chủ thể thực hiện TGPL, người được TGPL, lĩnh vực TGPL, hình thức TGPL; chất lượng vụ việc TGPL và thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Đối với mỗi khía cạnh, tác giả đã đi sâu phân tích những kết quả đã đạt được cũng như chỉ ra những khó khăn, bất cập, hạn chế đã gây ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động TGPL trong thời gian qua để từ đó có đánh giá chung về mức độ hiệu quả của điều chỉnh pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay. Qua đó cho thấy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL là một yêu cầu cấp thiết. Vì vậy cần có các phương hướng và giải pháp để hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em trong thời gian tới nhằm đáp ứng được yêu cầu của người dân.

## CHƯƠNG 3

### QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ CHO NGƯỜI NGHÈO VÀ TRẺ EM THỜI GIẠN TỐI

#### 3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em

Quan điểm chỉ đạo hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em là những chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Nhà nước mang tính định hướng, nhằm nâng cao vị trí, vai trò, hiệu quả của công tác TGPL. Nền tảng của các quan điểm chỉ đạo thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em đó là tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đã lý giải ở phần trên, chỉ ra rằng việc hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là một yêu cầu cấp thiết. Để định hướng hoàn thiện pháp luật về TGPL một cách có hiệu quả, cần quán triệt những quan điểm cơ bản sau:

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em phải dựa trên đường lối, quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra. Đó là “xây dựng một Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân”, đảm bảo một nền dân chủ thực sự. Từ sau Đại hội VI, tư tưởng về Nhà nước pháp quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam được cải thiện trong các Văn kiện của Đảng, phản ánh quá trình nhận thức ngày càng đúng đắn, đầy đủ cụ thể và toàn diện hơn về tư tưởng Nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại cũng như quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng ở nước ta hiện nay. Mục tiêu của Nhà nước pháp quyền XHCN là đảm bảo phát triển quyền công dân, quyền con người, nghĩa là sứ mệnh lịch sử của Nhà nước này là xây dựng một xã hội, trong đó, phát triển được tự do tối đa và sự phát triển toàn diện con người theo năng lực của họ...

*Hai là*, hoàn thiện pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em phải đặt trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, đồng thời, phát huy tính dân chủ, tạo điều kiện cho đông đảo người dân tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng pháp luật; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát xã hội phù hợp để nâng cao hiệu quả xây dựng và thực thi pháp luật.

*Ba là*, hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em phải phù hợp với quá trình về cải cách hành chính và cải cách tư pháp, gắn với mục tiêu xóa đói giảm nghèo về mặt pháp luật cho nhân dân, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của nhân dân nhằm xây dựng “một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh”. Do đó phải xác định rõ vị trí, vai trò và mối tương quan giữa pháp luật TGPL cho người

nghèo và trẻ em trong chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật đồng thời đẩy mạnh hoạt động truyền truyền, giáo dục pháp luật TGPL cho mọi tầng lớp nhân dân để pháp luật có thể đến với người dân và phát huy vai trò của mình trong thực tiễn cuộc sống.

*Bốn là*, hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em phải hướng đến xã hội hóa. Quan điểm xã hội hóa nói chung và xã hội hóa hoạt động TGPL nói riêng đã được Đảng và Nhà nước ta thể hiện nhất quán trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, lần thứ IX, lần thứ X, và các Nghị quyết của Bộ Chính trị, cần phải giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Để thể chế hoá các chủ trương của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo, bảo đảm công bằng xã hội và quán triệt quan điểm này, Điều 10 Luật TGPL đã quy định ngoài Trung tâm TGPL nhà nước làm nòng cốt trong việc thực hiện pháp luật về TGPL, Luật TGPL cũng tạo cơ chế để thu hút các tổ chức khác tham gia TGPL, đó là tổ chức hành nghề luật sư và tổ chức tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Việc đa dạng hoá các chủ thể thực hiện pháp luật về TGPL của Luật TGPL đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện và bảo đảm quyền được giúp đỡ về mặt pháp lý của người nghèo và đối tượng chính sách khi họ có vướng mắc hoặc có khiếu kiện.

*Năm là*, TGPL phải gắn với cơ sở, hướng về cơ sở, được tổ chức thực hiện lồng ghép trong các chương trình dự án, chính sách xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội chính sách dân vận và dân tộc để gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện dân chủ bảo đảm công bằng xã hội, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong điều kiện đổi mới; đặc biệt ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới TGPL tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu giúp đỡ về pháp luật cho nhân dân.

*Sáu là*, hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em phải có bước đi thích hợp, phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hoá xã hội và truyền thống dân tộc vì mục đích bảo vệ công lý, công bằng xã hội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích của công dân.

*Bảy là*, hoàn thiện pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em phải phục vụ cho công tác xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

### **3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em ở nước ta hiện nay**

Thực tiễn hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em đã khẳng định việc hình thành và phát triển TGPL ở Việt Nam là một hướng đi đúng đắn, kịp thời, có ý nghĩa

thiết thực đối với Nhà nước, xã hội và công dân. Bên cạnh đó, như đã trình bày ở trên, vẫn còn những khó khăn, bất cập của công tác này. Trên cơ sở quán triệt những quan điểm chỉ đạo về hoàn thiện pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em, để phát huy những thành tựu đã đạt được và khắc phục những khó khăn, tồn tại trong xây dựng pháp luật về trong thời gian qua, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TGPL, vấn đề đặt ra cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em với các giải pháp cụ thể như sau:

### ***3.2.1. Nhóm các giải pháp về nhận thức và phân tích chính sách liên quan đến pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay***

*Thứ nhất, đổi mới tư duy pháp lý, nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn vị trí, vai trò của pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay.*

TGPL là một hoạt động còn khá mới mẻ ở Việt Nam, do vậy nhận thức về TGPL cũng còn nhiều hạn chế. Có bộ phận đáng kể người dân và cả cán bộ nhà nước chưa hiểu hết ý nghĩa và mục đích của hoạt động TGPL. Một số cơ quan, tổ chức vẫn còn có tâm lý ngại "cán bộ" TGPL bởi họ hiểu sai lệch về TGPL, cho rằng cán bộ TGPL chủ yếu hướng dẫn cho dân kiện lại chính quyền. Do vậy, nhiều cán bộ địa phương có thái độ không hợp tác gây khó khăn cho hoạt động TGPL ở cơ sở, một số kiến nghị của các Trung tâm TGPL thường trả lời chậm hoặc không trả lời. Điều này đã kéo dài thời gian giải quyết các vụ việc, ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hơn nữa, do được thực hiện miễn phí nên ở một số nơi có tâm lý ỷ lại; tổ chức hoạt động TGPL tùy theo kinh phí được cấp. Các Trung tâm chưa nhận được sự quan tâm đầu tư đúng mức của các cấp chính quyền về cán bộ, cơ sở vật chất để đáp ứng yêu cầu TGPL phóng phú, đa dạng của nhân dân... Chính vì vậy, đổi mới tư duy pháp lý, nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn vị trí, vai trò của pháp luật về TGPL, cho người nghèo và trẻ em trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay là điểm mấu chốt có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo và trẻ em nói riêng.

Để làm tốt công tác này, trước hết các cấp ủy Đảng, chính quyền nhất là đối với cán bộ chủ chốt phải học tập, nghiên cứu đường lối chính sách, thấu hiểu mục đích, ý nghĩa, vị trí và vai trò của TGPL trong giai đoạn hiện nay. Từ đó có những nhận thức đúng đắn về tư tưởng đổi mới trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của mình, khắc phục tư tưởng xem nhẹ đối với công tác TGPL cho người nghèo và trẻ em. Bên cạnh đó, phải triển khai học tập các văn bản pháp luật, văn bản Nhà nước về công tác này trong các cơ quan, tổ chức quần chúng, các ngành các cấp và từng người dân để mọi người có thái

độ tích cực hưởng ứng, tham gia, góp phần thực hiện mục tiêu xã hội hóa hoạt động TGPL nói chung và TGPL cho người nghèo và trẻ em nói riêng.

Từ việc nâng cao nhận thức phải chuyển hóa thành hành động thực tế. Mỗi cấp ủy Đảng, chính quyền phải xây dựng cho mình một kế hoạch chi tiết, cụ thể trên cơ sở thực trạng và đặc điểm của từng địa phương, từng ngành, từng lĩnh vực sao cho có tính khả thi cao, gắn với nhiệm vụ của từng chủ thể trong từng giai đoạn nhất định. Mỗi công việc phải có sự chỉ đạo, phân công, phân nhiệm rõ ràng, thường xuyên có báo cáo sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện. Đổi mới tư duy pháp lý, nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn vị trí, vai trò của pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em cũng chính là phát huy tính chủ động tích cực của các chủ thể, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác TGPL cho người nghèo và trẻ em một hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

*Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện chính sách TGPL cho người nghèo và trẻ em.*

Để hoàn thiện chính sách TGPL cho người nghèo và trẻ em, Bộ Tư pháp cần tiến hành tổng kết và đánh giá một cách toàn diện những mặt được và những hạn chế trong quá trình đưa đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về TGPL cho người nghèo và trẻ em vào cuộc sống, đánh giá hiệu quả và tác động của công tác này đối với công cuộc xóa đói, giảm nghèo nói chung và bình đẳng pháp luật, tiếp cận pháp lý nói riêng. Xác định TGPL là một trong những chính sách trọng tâm, là bộ phận cấu thành cơ bản của Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, cần thấy được mối liên hệ, tính liên kết và tính tổng thể của TGPL với Chiến lược toàn diện về xóa đói giảm nghèo như là công cụ quan trọng tạo môi trường thuận lợi để thực hiện công bằng xã hội, thực thi dân chủ ở cơ sở và tiếp cận pháp lý của một bộ phận đáng kể nhân dân là người nghèo, đối tượng chính sách. Theo đó, về mặt chính sách tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, cần có sự quan tâm và chỉ đạo để bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và nâng cao dân trí, nhất là hiểu biết và ý thức pháp luật của người dân. Căn cứ vào điều kiện thực tế của các địa phương mà có thể đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật cho người dân để nâng cao nhận thức cho người dân, tạo điều kiện để họ tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và phát triển kinh tế, đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện những quyền cơ bản của công dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Việc hoàn thiện chính sách về TGPL nói chung chú trọng các nội dung: tiếp tục hoàn thiện thể chế về TGPL, phát triển nhân lực làm công tác TGPL; kiện toàn tổ chức và hoạt động TGPL từ trung ương đến địa phương; xác định cơ chế phối hợp giữa Chính phủ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và với các tổ chức



chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động TGPL; đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện làm việc cho các chủ thể TGPL.

*Thứ ba, quy định chuẩn nghèo phù hợp với tiến trình phát triển của đất nước.*

Không thể phủ nhận rằng quá trình công nghiệp hóa và cơ chế thị trường diễn ra song song đã tạo nên những bước đột phá lớn trong đời sống xã hội. Nét nổi bật nhất có thể thấy được rất rõ là sự tăng trưởng về kinh tế thể hiện qua bình quân GDP/đầu người hàng năm không ngừng tăng lên. Song cũng chưa bao giờ sự phân cực về mức sống dân cư và phân hóa giàu nghèo lại diễn ra sâu sắc như trong quá trình đổi mới. Bên cạnh những người giàu lên nhanh chóng, số người nghèo đi cũng ngày càng tăng lên do những rủi ro này sinh khi mà họ chưa kịp ứng phó dưới áp lực của cơ chế thị trường. Chuẩn nghèo chính là thước đo để xác định ai là người nghèo hoặc không phải là người nghèo nhằm giúp Chính phủ đưa ra những chính sách ưu đãi, hỗ trợ kịp thời để giúp đối tượng ổn định cuộc sống góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chuẩn nghèo là một khái niệm rộng, nó biến động theo không gian và thời gian. Một chuẩn nghèo dù được xây dựng trên tiêu chí nào cũng phải phản ánh đúng thực trạng đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, phản ánh mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và những thành quả của các chính sách xã hội đối với người nghèo, đặc biệt là chương trình xóa đói giảm nghèo. Việc xác định đúng chuẩn nghèo là việc làm rất quan trọng để tăng cường tính khả thi của các dự án và các nghiên cứu về giảm nghèo, đồng thời đẩy mạnh tốc độ và nâng cao hiệu quả cuộc chiến chống đói nghèo ở nước ta. Ngược lại, nếu không xác định đúng chuẩn nghèo có thể dẫn đến việc bỏ sót những hộ nghèo thực sự hoặc đưa vào chương trình xóa đói giảm nghèo những hộ không còn nghèo nữa. Bên cạnh đó, việc xác định không đúng chuẩn nghèo cũng dễ dẫn đến tình trạng tái nghèo, bởi mức độ rủi ro trong công việc làm ăn, trong cuộc sống của người nghèo là khá cao.

Việc xác định chuẩn nghèo của quốc gia phải được nghiên cứu một cách khoa học và phải được xây dựng dựa trên một số tiêu chí cơ bản: thu nhập bình quân đầu người/năm; trình trạng hoạt động và việc làm; vấn đề nhà ở. Mức chuẩn nghèo phải được điều chỉnh hàng năm, căn cứ vào thực tế của cuộc sống, giả cả sinh hoạt, nhu cầu tối thiểu của người dân. Ngoài ra, khi xác định chuẩn nghèo còn phải quan tâm đến vấn đề giáo dục, đào tạo... cũng như phải dự trù nhóm đối tượng người có thu nhập trung bình hay cận nghèo. Bởi lẽ, đối tượng này khi gặp phải các rủi ro như gia đình có người ốm đau, bệnh nặng, phải nằm viện hay các tai nạn v.v.... thì từ thu nhập trung bình hoặc cận nghèo có thể ngay lập tức rơi vào tình trạng nghèo.

Mặt khác, khi xây dựng chuẩn nghèo chúng ta cũng phải so sánh, tham khảo chuẩn nghèo chung của thế giới. Thực tế cho thấy việc nâng chuẩn nghèo giai đoạn 2021

- 2025 cao hơn giai đoạn trước là phù hợp với đời sống của người dân. Tuy vậy, chuẩn nghèo hiện tại của Việt Nam chưa bằng 50% chuẩn nghèo của thế giới. Chuẩn nghèo của thế giới hiện nay được Ngân hàng Thế giới xác định chung ở mức 60USD/người/tháng (tương đương 1,2 triệu đồng/người/tháng), không phân biệt nông thôn với thành thị. Hộ nghèo Việt Nam đương nhiên nằm trong các hộ nghèo của thế giới nhưng lại có mức chênh lệch rất lớn. Nếu Việt Nam "áp" theo chuẩn nghèo thế giới thì số hộ nghèo hiện có của Việt Nam sẽ tăng hơn gấp đôi hiện nay. Và nhiều chuyên gia cũng cho rằng mức thu nhập bình quân để xác định người nghèo của Việt Nam hiện nay là mức thu nhập của người "đói". Trong giai đoạn hội nhập hiện nay, việc nhìn ra thể thời để so sánh, đánh giá sự tiến bộ của một quốc gia là một việc làm tất yếu. Đánh giá về chuẩn nghèo cũng nên như vậy. Việc giám hộ nghèo giai đoạn sau so với giai đoạn trước là điều đáng ghi nhận, nhất là với các tỉnh thuộc địa bàn khó khăn có tỉ lệ hộ nghèo ở mức cao. Nhưng, chuẩn nghèo trong nước còn có khoảng cách xa so với thế giới là điều đáng quan tâm nghiên cứu và cần phải nỗ lực hơn nhiều để vươn tới mặt bằng của thế giới. Bên cạnh việc xác định chuẩn nghèo phù hợp, cần có cơ chế cấp sổ, giấy chứng nhận hộ nghèo một cách thống nhất trong toàn quốc tạo điều kiện cho người nghèo sử dụng cả khi có yêu cầu xin TGPL và thực hiện các quyền lợi trong các lĩnh vực khác như khi vay vốn, khám chữa bệnh... nhằm tiết kiệm thời gian, công sức và chi phí cho các đối tượng.

### ***3.2.2. Nhóm các giải pháp liên quan đến quy trình xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật về TGPL cho người nghèo, trẻ em ở Việt Nam***

*Thứ nhất, khảo sát, điều tra thực trạng, nhu cầu cần điều chỉnh (hoàn thiện) pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay.*

Các quy định của pháp luật chỉ phát huy hiệu quả trên thực tế khi nó đảm bảo được tính khả thi, nghĩa là nó phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội cần tác động. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật là do chúng ta chưa hoạch định được một chương trình xây dựng pháp luật toàn diện, tổng thể, có tầm nhìn chiến lược. Chính vì vậy, việc khảo sát, điều tra thực trạng, nhu cầu cần điều chỉnh pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam hiện nay là vấn đề rất quan trọng.

Trước hết, phải nghiên cứu, xác định một cách toàn diện, đầy đủ những nhu cầu xã hội về điều chỉnh pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em. Các quy định ngày càng hoàn thiện của pháp luật TGPL đã phần nào tháo gỡ được những vướng mắc, khó khăn về mặt pháp luật của người nghèo và trẻ em, cung cấp cho họ một công cụ để họ có thể tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Song trong quá trình áp dụng, các quy định pháp luật TGPL nói chung cũng đang bộc lộ những hạn chế như các quy định về

trình tự thủ tục TGPL, về chủ thể cũng như đối tượng TGPL... làm cho công tác này chưa thực sự phát huy được hết hiệu quả trên thực tế. Do đó, việc nghiên cứu, xác định một cách toàn diện nhu cầu xã hội về điều chỉnh lĩnh vực pháp luật này sẽ tạo hành lang pháp lý cho hoạt động TGPI, phát huy hiệu quả và thu hút được sự tham gia của toàn xã hội vào hoạt động mang tính nhân văn này.

Bên cạnh đó, phải làm rõ mức độ hiệu quả thực tế của các quy phạm pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em đã ban hành trong thời gian qua. Từ đó, đánh giá đúng thực trạng pháp luật hiện hành, thấy rõ những ưu điểm cần kế thừa phát triển, những khiếm khuyết cần được khắc phục và những yêu cầu mới cần đáp ứng. Ngoài ra cần phải thấy được những mục đích, yêu cầu bức xúc của pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới (như đơn giản hóa thủ tục, nâng cao chất lượng vụ việc TGPL, xã hội hóa hoạt động TGPL...) để làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược pháp luật nói chung và pháp luật TGPL nói riêng phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân.

*Thứ hai, thực hiện nguyên tắc dân chủ trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam.*

Dân chủ là bản chất của chế độ XHCN ở Việt Nam. Điều này đã được ghi nhận trong Hiến pháp và nhiều văn bản có giá trị pháp lý khác. Báo cáo Chính trị Đại hội XIII của Đảng một lần nữa khẳng định: đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo đảm Nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và củng cố nhân mạnh: nghiên cứu xây dựng, bổ sung các thể chế và cơ chế vận hành cụ thể để bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có xây dựng và hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật về TGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách nói riêng. Trong lĩnh vực này, nguyên tắc dân chủ phải được quán triệt thực hiện trong tất cả các giai đoạn, cụ thể:

+ Trong quá trình xây dựng pháp luật: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: "Nhân dân là người thực hiện pháp luật cũng phải là người xây dựng pháp luật". Do đó, vai trò tham gia xây dựng pháp luật của nhân dân là yếu tố quan trọng góp phần đảm bảo pháp luật được thực thi.

- Giai đoạn lập chương trình xây dựng pháp luật: phải tiến hành khảo sát, điều tra nhu cầu xã hội cần xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật hiện hành về TGPL cho người nghèo và trẻ em. Thông qua bước này, người dân có thể đưa ra ý kiến của mình về sự phù hợp, không phù hợp, những điểm được và chưa được của các quy định hiện hành cũng như những "lỗ hổng" mà pháp luật cần bổ sung, ban hành mới. Ý

kiến của người dân sẽ là nguồn tham khảo quan trọng, đóng góp những ý tưởng mới cho giai đoạn lập chương trình xây dựng pháp luật được hoàn thiện hơn.

- Giai đoạn soạn thảo văn bản pháp luật LGPL cho người nghèo và đối tượng chính sách. Đây chính là một trong những giai đoạn biểu hiện rõ nhất tính dân chủ trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Việc lấy ý kiến đóng góp của người dân vào xây dựng văn bản pháp luật phải được thông báo công khai trên các phương tiện truyền thông để mọi người biết đến và tích cực tham gia. Quy trình này phải được thông qua các hình thức lấy ý kiến trực tiếp của người dân (tổ chức lấy ý kiến tại các địa điểm nhất định, thông qua các hội nghị, hội thảo, thông qua mạng Internet, đường bưu điện...) hoặc gián tiếp thông qua đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Ý kiến của nhân dân, của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, ý kiến phản biện của xã hội phải được thực sự tiếp thu nhằm cân đối lợi ích của các nhóm xã hội tránh hình thức, thiếu cơ chế đề cao trách nhiệm của cơ quan soạn thảo trong việc nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý dự thảo. Các đối tượng chịu sự tác động của văn bản như người nghèo, trẻ em, cơ quan quản lý công tác LGPL, chủ thể tham gia LGPL phải được tạo điều kiện thuận lợi tham gia vào quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Giai đoạn thảo luận, tiếp thu, chỉnh lý và thông qua dự án, dự thảo và công bố: phải công khai kết quả thảo luận và văn bản pháp luật để mọi người dân biết, tạo điều kiện cho việc so sánh, kiểm tra sự chính xác của văn bản được ban hành.

+ Trong quá trình thực thi và bảo vệ pháp luật LGPL cho người nghèo và trẻ em: người dân có quyền kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện pháp luật LGPL cho người nghèo và trẻ em; tham dự các phiên tòa liên quan đến hoạt động LGPL, cho người nghèo và trẻ em... từ đó phát hiện những sai phạm, đưa ra những kiến nghị về việc thực thi pháp luật đến những chủ thể có thẩm quyền để kịp thời xử lý và có biện pháp khắc phục để pháp luật LGPL ngày càng hoàn thiện và thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế.

*Thứ ba, nâng cao trình độ, kỹ thuật xây dựng pháp luật LGPL cho người nghèo và trẻ em.*

Song song với việc xây dựng nội dung các quy định pháp luật LGPL cho người nghèo và trẻ em thì trình độ và kỹ thuật lập pháp cũng là một vấn đề cần quan tâm. LGPL ở nhiều nước trên thế giới đã có lịch sử phát triển lâu dài, nhưng ở Việt Nam đó vẫn là lĩnh vực rất “trẻ”. Đó là một trong những nguyên nhân khiến một bộ phận không nhỏ người dân và cán bộ chưa biết và chưa thực sự hiểu bản chất của LGPL. Chính vì vậy, quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật này phải đặt dưới những nguyên tắc nhất định; các quy định pháp luật về LGPL phải xác định được nội dung, mục đích, ý nghĩa của hoạt động này bằng ngôn từ chính xác, dễ hiểu và thông nhất, phải rõ ràng, cụ

thể và không được mang nhiều tầng lớp ý nghĩa; phải có sự logic, thống nhất, không trùng lặp giữa các chương, các mục, các điều, khoản; phải linh hoạt tiếp thu, học hỏi những gì tiến bộ của pháp luật nước ngoài phù hợp với điều kiện của nước ta để hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật TGPL nói riêng, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN trong giai đoạn mới.

### ***3.2.3. Nhóm các giải pháp liên quan đến hoạt động đánh giá hiệu quả pháp luật, tổng kết, rút kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật.***

*Thứ nhất, đánh giá hiệu quả pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em trong thời gian qua ở Việt Nam nhằm phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật.*

Việc ban hành văn bản pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em là vấn đề quan trọng nhưng việc các quy định pháp luật đó có đạt được mục tiêu, yêu cầu và định hướng của đề ra hay không lại là vấn đề lâu dài. Việc đánh giá hiệu quả pháp luật có thể cho ta biết được kết quả đó. Việc đánh giá hiệu quả pháp luật TGPL là công việc khó khăn và phức tạp, phải được tiến hành trong phạm vi nhất định về không gian, thời gian và phải được xem xét dựa trên các tiêu chí nhất định như: trạng thái các quan hệ xã hội khi pháp luật chưa tác động; mục đích, yêu cầu, phương hướng của pháp luật, chất lượng của pháp luật, những biến đổi thực tế đạt được do sự tác động của pháp luật trong đời sống xã hội và mức chi phí cho việc đạt được những kết quả thực tế đó. TGPL nói chung là hoạt động đang phản ánh trung thực các quy định của toàn bộ hệ thống pháp luật đang diễn ra trong cuộc sống qua nhận thức của cán bộ và người dân ở các vụ việc cụ thể về tranh chấp, vướng mắc, khiếu kiện... trên các lĩnh vực dân sự, hành chính, đất đai, hôn nhân gia đình, lao động - việc làm, y tế, giáo dục, hình sự.... các quy định của các lĩnh vực pháp luật có đi vào cuộc sống hay không, thực tiễn pháp luật đang được các chủ thể ở trong lĩnh vực tuân thủ thế nào; người dân có tôn trọng pháp luật hay không... Chính vì vậy, việc đánh giá hiệu quả pháp luật TGPL ít nhiều sẽ cho ta ta một bức tranh tương đối rõ ràng về đời sống pháp luật để từ đó có những biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em trên thực tế.

*Thứ hai, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thường xuyên tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện pháp luật đồng thời xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em.*

Cho đến nay, TGPL vẫn là một lĩnh vực hoạt động pháp luật tương đối mới mẻ song sự ra đời của Luật TGPL và hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đã góp phần khẳng định đây chính là tuyên ngôn nhân quyền của Nhà nước Việt Nam về vấn đề công lý khi Nhà nước công nhận và bảo vệ quyền được TGPL của người nghèo, trẻ em và các nhóm dân cư thiệt thòi, dễ bị tổn thương để họ có quyền bình đẳng tiếp cận dịch vụ pháp

lý có chất lượng như các công dân khác. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật TGPL nói chung có vị trí rất quan trọng vì số vụ việc và lĩnh vực pháp luật người dân thường có vướng mắc sẽ là cơ sở để cơ quan lập pháp xem lại các quy định pháp luật hiện hành ở các lĩnh vực này và là căn cứ cho cơ quan quản lý đánh giá lại đội ngũ công chức đang có trách nhiệm giải quyết việc của dân. Ở một số quốc gia như Úc, Mỹ, việc giám sát và theo dõi vụ việc TGPL đã giúp hình thành chính sách sát thực tế, phục vụ tốt cho người dân và loại bỏ được các công chức lộng quyền, vi phạm pháp luật và quy chế công vụ.

Công tác kiểm tra, giám sát việc phải được tiến hành thường xuyên và toàn diện từ khâu lên kế hoạch, thực hiện kế hoạch đến kiểm tra sử dụng nguồn kinh phí sao cho hiệu quả, tránh sử dụng sai mục đích, lãng phí... và tập trung vào các nội dung như: thẩm quyền của các chủ thể có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật; các đối tượng thuộc diện có được bảo đảm nhận dịch vụ dễ dàng và đúng đắn, người thực hiện TGPL có đáp ứng yêu cầu của người dân hay chưa, chất lượng dịch vụ TGPL so với chất lượng dịch vụ ngoài thị trường tự do như thế nào... Việc kiểm tra, giám sát sẽ giúp phát hiện những hạn chế về tổ chức, hoạt động, những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, phát hiện và xử lý những vi phạm pháp luật liên quan đến lợi ích chính đáng của đối tượng TGPL, lợi ích của nhà nước và của toàn xã hội, từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả trên thực tế. Bên cạnh việc đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về chủ thể, trình tự thủ tục kiểm tra, giám sát thực hiện pháp luật TGPL thì năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, tinh thần đấu tranh của các chủ thể thực thi hoạt động kiểm tra giám sát cũng cần được quan tâm.

Song song với việc kiểm tra, giám sát, phải thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ thực tiễn thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em ở Việt Nam phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật. Hàng tháng, quý, năm phải có báo cáo sơ kết, tổng kết để kịp thời khen thưởng, tuyên dương và nhân rộng những phương pháp, cách làm hay, đồng thời xử lý nghiêm những vi phạm, kiểm điểm rút kinh nghiệm và khắc phục những hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em. Những tổng kết thực tiễn sẽ là cơ sở quan trọng phục vụ cho quá trình xây và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về TGPL cho người nghèo, trẻ em nói riêng, đáp ứng nhu cầu TGPL ngày càng đa dạng của người dân.

### **TIỂU KẾT CHƯƠNG 3**

Trên cơ sở đưa ra các quan điểm hoàn thiện, tác giả đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về TGPL và một số các giải pháp đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện pháp luật về TGPL, bảo đảm các điều kiện để pháp luật về TGPL đi vào cuộc sống nhằm mục đích hoàn thiện pháp luật TGPL cho người nghèo và trẻ em đồng thời giúp nâng cao hiệu quả hoạt động TGPL ở Việt Nam trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo và trẻ em trong thời gian qua đã chứng minh chủ trương của Đảng về việc thành lập và phát triển hoạt động TGPL ở nước ta là đúng đắn, TGPL đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc đưa pháp luật vào đời sống xã hội giúp khẳng định được vị trí của pháp luật trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người nghèo, trẻ em, người có hoàn cảnh đặc biệt trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để có được thành công này bên cạnh sự cố gắng của đội ngũ những người làm công tác trợ giúp pháp lý còn có sự đóng góp không nhỏ của Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền và người dân; góp phần thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp, đưa chủ trương xoá nghèo về pháp luật, đền ơn, đáp nghĩa, bảo vệ trẻ em, bảo đảm công bằng xã hội của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống; góp phần nâng cao ý thức pháp luật, giải toả những vướng mắc pháp luật của nhân dân, tạo niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình thực hiện pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em đã bộc lộ những tồn tại, hạn chế. Những hạn chế đó là do một phần từ việc quy định còn chung chung, chưa cụ thể của pháp luật về tổ chức và hoạt động TGPL, về đối tượng được TGPL, lĩnh vực, hình thức, chưa điều chỉnh hết một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Quy định pháp luật về công tác TGPL chưa thống nhất, đồng bộ; trong một số trường hợp chưa toàn diện, kịp thời, bám sát thực tiễn dẫn đến một số quy định chưa khả thi, việc triển khai thực hiện công tác TGPL cho người nghèo và trẻ em còn chậm. Những tồn tại này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và chất lượng của hoạt động TGPL cho người nghèo và trẻ em.

Trước yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải cách tư pháp, phát huy dân chủ, xuất phát từ ý nghĩa quan trọng của công tác TGPL đối với đời sống xã hội, từ tình hình tổ chức và hoạt động TGPL trong thời gian qua và thực trạng pháp luật hiện hành về lĩnh vực này cho thấy cần phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em. Để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác TGPL cho người nghèo và trẻ em, ngày càng khẳng định, phát huy vai trò trong đời sống, đáp ứng được những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, những phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về TGPL ở phần trên đây cần được tiến hành, triển khai một cách đồng bộ. Việc thực hiện những giải pháp đó phải được tiến hành đồng thời và thường xuyên, liên tục trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật về TGPL cho người nghèo và trẻ em cũng như nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động TGPL ở Việt Nam trong thời gian tới.



## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Trợ giúp pháp lý 2017.
2. Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.
3. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015 – 2025.
4. Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 và hỗ trợ vụ việc tham gia tố tụng có tính chất phức tạp hoặc điển hình.
5. Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số Điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
6. Thông tư số 09/2018/TT-BTP ngày 21/6/2018 của Bộ Tư pháp quy định tiêu chí xác định vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp, điển hình.
7. Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 29/6/2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.
8. Website: <https://tGPL.moj.gov.vn/Pages/van-ban-phap-luat.aspx>
9. Tạp chí dân chủ pháp luật: “Sáu năm triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới”.
10. Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển TGPL ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Hà Nội.
11. Đào Trí Úc (1997) Nhà nước và pháp luật chúng ta trong sự nghiệp đổi mới, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1999) Mô hình tổ chức và hoạt động TGPL, phương hướng thực hiện trong điều kiện hiện nay, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
13. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam “Số vụ trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tăng cao”.
14. Báo Điện tử Chính phủ “Đề xuất tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý cho người nghèo”.

15. Báo điện tử Đại biểu Nhân dân “Tiếp tục đưa trợ giúp pháp lý về cơ sở”.
16. Tạp chí Xây dựng Đảng “Đề xuất tăng cường hoạt động trợ giúp pháp lý cho người thuộc hộ nghèo”.
17. Báo Thanh niên “Trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người yếu thế”.
18. Tạp chí điện tử Lý luận chính trị “Việc bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý của trẻ em ở Việt Nam”.
19. Báo Thái Nguyên “Bảo vệ trẻ em qua trợ giúp pháp lý”.
20. Báo điện tử Đại biểu Nhân dân “Bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý cho trẻ em”.